BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 44/2026
Từ 09/11 - 13/11/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*
ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TIN TRUNG ƯƠNG

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: NỀN KINH TẾ ĐÃ TĂNG TRƯỞNG MẠNH, THỰC CHẤT TRÊN NỀN TẢNG KINH TẾ VĨ MÔ ĐƯỢC GIỮ VỮNG

Chiều ngày 12/11/2026, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng đã trình bày báo cáo giải trình về một số vấn đề cử tri, nhân dân và đại biểu Quốc hội quan tâm tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI.



Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội chiều 12/11 - Ảnh: chinhphu.vn/Nhật Bắc

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng nêu rõ, qua báo cáo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, báo cáo thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội, ý kiến của đại biểu Quốc hội tại các phiên thảo luận Tổ, Hội trường, tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị của cử tri cả nước đã cho thấy những phân tích, đánh giá, đóng góp sâu sắc, trí tuệ, tâm huyết, thẳng thắn, trách nhiệm, sát thực tiễn về các nội dung phát triển kinh tế - xã hội.

Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng trân trọng cảm ơn, nghiêm túc tiếp thu các ý kiến xác đáng của các đại biểu Quốc hội và cử tri cả nước để nâng cao hơn nữa công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

Báo cáo làm rõ thêm một số vấn đề được nhiều đại biểu Quốc hội và đồng bào, cử tri quan tâm, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng cho biết, về kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, củng cố vững chắc nền tảng vĩ mô làm cơ sở thúc đẩy tăng trưởng cao, bền vững, ổn định và nâng cao đời sống của Nhân dân, Chính phủ xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, ưu tiên trong chỉ đạo điều hành để tăng trưởng kinh tế, phát triển đất nước phải thực sự mang tính bao trùm, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội.

Trong thời gian vừa qua, Chính phủ đã triển khai quyết liệt các giải pháp mạnh để giảm chi phí đầu vào, giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến người dân, doanh nghiệp.

Theo đó, tiếp tục giảm 2% thuế VAT đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ cho đến hết năm 2026; giãn thời hạn nộp thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, tiền thuê đất; duy trì các mức thuế đối với xăng dầu ở mức 0%; giảm thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các loại xăng từ các mức 7%, 8%, 10% xuống 0%; giảm 2% giá điện sau nhiều năm giá điện chủ yếu tăng; triển khai hướng dẫn giảm 30% thuế thu nhập cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong năm 2026, 2027. Với các biện pháp miễn, giảm thuế nói trên, ngân sách nhà nước dự kiến giảm thu khoảng 256,7 nghìn tỷ đồng trong năm 2026.

Cùng với đó, điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, qua đó đã ổn định tỷ giá, góp phần ổn định giá trị đồng tiền, sức mua (bình quân tỷ giá liên ngân hàng 10 tháng đầu năm 2026 chỉ tăng 0,63% so với bình quân năm 2025); giảm 1,5 - 2% lãi suất cho vay cho sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên.

Điều hành chặt chẽ giá các mặt hàng Nhà nước quản lý, không tăng giá dịch vụ y tế trong năm 2026. Quyết liệt chỉ đạo xử lý nghiêm sai phạm, cải cách một số lĩnh vực thiết yếu như xăng, dầu, điện, y tế, nông nghiệp để giảm chi phí đầu vào của nền kinh tế, tăng năng suất, đồng thời giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp, bước đầu đã có kết quả.

Nhờ triển khai chủ động, kịp thời, linh hoạt, đồng bộ các chính sách nên CPI 10 tháng được kiểm soát ở mức 4,57%, đây là một kết quả rất tích cực trong điều kiện lạm phát toàn cầu tăng; đặc biệt, so với đầu năm, giá xăng thế giới tăng 76 - 78%, giá dầu diesel tăng khoảng 109% và giá nguyên vật liệu nhiều mặt hàng tăng mạnh, gây ra tình trạng bất ổn ở rất nhiều quốc gia.

Nhóm vấn đề lớn thứ hai được Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng đề cập là huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ mục tiêu tăng trưởng, thúc đẩy mạnh mẽ các động lực, lĩnh vực phát triển thông qua các giải pháp.

Theo đó, hoàn thiện thể chế để khơi thông nguồn lực, kiến tạo phát triển; đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành theo hướng sâu sát cơ sở và giải quyết vấn đề thực chất, Lãnh đạo Chính phủ trực tiếp làm việc với các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp để chỉ đạo các nhiệm vụ quan trọng trên các lĩnh vực; cải cách thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, tháo gỡ triệt để khó khăn, vướng mắc để thúc đẩy đầu tư công, huy động nguồn lực đầu tư tư nhân, tín dụng ngân hàng, thu hút vốn đầu tư nước ngoài; đẩy mạnh triển khai việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành gắn với Khung kiến trúc số đồng bộ, thống nhất và tăng cường đầu tư cho công nghệ, sản phẩm chiến lược, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản trị, điều hành, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần từng bước nâng cao chất lượng điều hành của các cấp chính quyền, giảm chi phí và thời gian tuân thủ, nâng cao năng suất của nền kinh tế.

Các biện pháp chính sách đẩy mạnh thu hút đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công, quyết liệt xử lý các dự án tồn đọng, mở rộng thị trường đã góp phần thúc đẩy tiêu thụ nguyên vật liệu, tiêu thụ hàng hóa, tạo việc làm, nâng cao thu nhập người lao động.

Theo số liệu cập nhật cho đến nay, tổng vốn đầu tư toàn xã hội 9 tháng đạt 3,11 triệu tỷ đồng, tăng 15,1%. Thu ngân sách nhà nước 10 tháng ước đạt 2,44 triệu tỷ đồng, bằng gần 96,4% dự toán, tăng 11% so với cùng kỳ, trong khi đã miễn, giảm, gia hạn 366,6 nghìn tỷ đồng tiền thuế, phí, lệ phí; thu nội địa đạt trên 2,1 triệu tỷ, tăng 11,4%, chiếm 86,2% tổng thu ngân sách nhà nước.

Giải ngân đầu tư công đạt gần 708,6 nghìn tỷ, đạt 74,1% kế hoạch, tăng 19,7% về tỷ lệ và tăng 217,5 nghìn tỷ đồng về số tuyệt đối so với cùng kỳ. Quyết liệt tháo gỡ các dự án tồn đọng, kéo dài, giải phóng nguồn lực cho phát triển. Thu hút vốn FDI 10 tháng tiếp tục là điểm sáng, vốn đăng ký đạt 54,85 tỷ USD, tăng 74%; vốn FDI thực hiện đạt 24,08 tỷ USD, tăng 13,1%. Kim ngạch xuất nhập khẩu lần đầu vượt 1.000 tỷ USD, riêng tháng 10 xuất siêu lớn 7,31 tỷ USD.

Cùng với kết quả tăng trưởng cao, Chính phủ đã tích cực triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống nhân dân. Trong 10 tháng, đã chi khoảng 578 nghìn tỷ đồng từ nguồn chi thường xuyên cho y tế, giáo dục và đảm bảo an sinh xã hội, đạt 72% dự toán năm 2026.

Thu nhập của người lao động tăng. Từ ngày 01/7/2026, lương cơ sở tăng 8%, phụ cấp đối với cán bộ, công chức cấp xã tăng từ 25% lên 55%. Mở rộng phạm vi áp dụng và quy định cụ thể phụ cấp đối với nhân viên y tế từ 30 - 80%; thúc đẩy triển khai chính sách khám sức khỏe.

Chính phủ mở rộng đối tượng hưởng và nâng phụ cấp đối với giáo viên; hiện một số địa phương đã thực hiện miễn phí sách giáo khoa cho học sinh phổ thông và Chính phủ xác định mục tiêu phấn đấu triển khai trên phạm vi toàn quốc từ năm 2028 - 2029, sớm 1 năm so với kế hoạch; có chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền; đẩy mạnh tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, cơ chế tài chính đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; tăng cường đầu tư cơ sở, trang thiết bị cho y tế, giáo dục.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng khái quát, nhìn chung, tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 tiếp tục chuyển biến mạnh mẽ, tích cực, khá toàn diện trên các lĩnh vực. Bên cạnh kết quả đạt được là cơ bản, Chính phủ thẳng thắn nhìn nhận vẫn còn những thách thức, khó khăn, tồn tại như ý kiến góp ý của đại biểu Quốc hội. Thời gian tới, Chính phủ sẽ tập trung chỉ đạo, quyết tâm phấn đấu tăng trưởng cả năm 2026 đạt trên 10%, kiểm soát lạm phát ở mức khoảng 4,5%, tạo nền tảng cho thực hiện kế hoạch năm 2027 và cả giai đoạn 2026 - 2030.

Ngày 07/11/2026, Quốc hội đã thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, trong đó xác định 45 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu, trong đó phấn đấu tăng trưởng kinh tế 10%, kiểm soát lạm phát khoảng 4,5% và đề ra 11 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trên các lĩnh vực. Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng cho biết, trên cơ sở Kết luận 106-KL/TW, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ sẽ khẩn trương ban hành Nghị quyết về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2027, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ cụ thể gắn với thời hạn hoàn thành và cơ quan thực hiện.

Nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm, Thủ tướng Chính phủ cho biết để đạt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có tăng trưởng 10% cần huy động nguồn lực rất lớn; tổng

vốn đầu tư toàn xã hội năm 2027 cần huy động khoảng 36 - 38% GDP, tương đương 6 - 6,4 triệu tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước là khoảng 1,76 triệu tỷ đồng, chiếm khoảng 27 - 29%.

Để huy động đủ nguồn lực, năm 2027, Chính phủ tập trung chỉ đạo: (1) Phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước khoảng 9,1%; tiết kiệm ngay 5% chi đầu tư công và 10% chi thường xuyên; (2) Phát hành các loại hình trái phiếu; vay ODA; (3) Huy động nguồn vốn tín dụng; tăng đầu tư từ các doanh nghiệp nhà nước; đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân, vốn đầu tư FDI; phát triển thị trường vốn trung và dài hạn hiện đại, khuyến khích phát triển trái phiếu doanh nghiệp. Thu hút các quỹ đầu tư quốc tế, dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài dài hạn, ổn định.

Để bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế, Chính phủ tập trung chỉ đạo xây dựng kịch bản tăng trưởng, giao nhiệm vụ, tiến độ cụ thể, chi tiết cho bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước; ưu tiên trọng tâm phát triển 3 lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế gắn với tạo đột phá trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Cụ thể: (i) Ưu tiên công nghiệp nền tảng, công nghiệp hỗ trợ, các ngành, lĩnh vực mới như năng lượng, vật liệu, điện tử, bán dẫn. (ii) Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát thải thấp; liên kết sản xuất với chế biến sâu, tiêu thụ, xuất khẩu. (iii) Phát triển mạnh du lịch, logistics; kích cầu tiêu dùng; đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; cắt giảm khâu trung gian và chi phí lưu thông; (iv) Thúc đẩy chuyển đổi số thực chất trong quản trị nhà nước, dịch vụ công, nâng cao năng lực điều hành của chính quyền địa phương; đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu, liên kết Nhà nước - doanh nghiệp - viện/trường, đưa khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng, đổi mới mô hình phát triển và thúc đẩy các ngành kinh tế mới.

Bên cạnh thúc đẩy tăng trưởng, Chính phủ xác định nhiệm vụ ưu tiên là tiếp tục củng cố vững chắc nền tảng vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Chính phủ tập trung chỉ đạo: (1) Điều hành linh hoạt, chủ động, sát thực tiễn chính sách thuế, lãi suất, tỷ giá cùng các chính sách vĩ mô khác; (2) Bảo đảm nguồn cung xăng, dầu, điện; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực để tiết giảm chi phí trung gian; bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu; công khai, minh bạch giá; xử lý nghiêm vi phạm; (3) Chủ động xây dựng các kịch bản điều hành; giao chỉ tiêu kiểm soát chỉ số CPI cho các địa phương.

Trên quan điểm lấy con người làm trung tâm, chủ thể và mục tiêu của phát triển, Chính phủ xác định phát triển kinh tế phải gắn với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, để mọi người dân được thụ hưởng thành quả phát triển. Theo đó sẽ tập trung chỉ đạo triển khai hiệu quả Chương trình hành động thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội về phát triển văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển hạ tầng nông thôn; triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hợp nhất.

Nguồn: baochinhphu.vn

NGHỊ QUYẾT PHIÊN HỌP CHÍNH PHỦ THƯỜNG KỲ THÁNG 10/2026

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng thay mặt Chính phủ ký ban hành Nghị quyết số 353/NQ-CP ngày 06/11/2026 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2026.

Nghị quyết nêu: Thời gian tới, dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn rủi ro, tác động bất lợi đến triển vọng tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô. Ở trong nước, khó khăn, thách thức nhiều hơn thời cơ và thuận lợi, nhất là trước tác động lớn từ bên ngoài và diễn biến bất thường của thiên tai, biến đổi khí hậu.

Phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Trước tình hình đó, trong tháng 11 và thời gian còn lại của năm 2026, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tiếp tục đề cao trách nhiệm người đứng đầu, bám sát tình hình, hành động quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo với tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Khai thác tối đa dư địa tăng trưởng, tăng tốc, bứt phá, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn.

Quán triệt, triển khai nghiêm túc, hiệu quả các nghị quyết, kết luận của Trung ương, nhất là Kết luận số 106-KL/TW ngày 15/10/2026 của Hội nghị Trung ương 4, khóa XIV về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch năm 2027, chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Hội nghị quán triệt triển khai các Nghị quyết, Kết luận Hội nghị Trung ương 4, nghị quyết của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Chủ động chuẩn bị, tổ chức tổng kết công tác năm 2026 thiết thực, hiệu quả; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác năm 2027, trong đó đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ, giải pháp đột phá của bộ, ngành, địa phương, gửi Bộ Tài chính trước ngày 10/11/2026 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công năm 2026

Bám sát kịch bản tăng trưởng quý IV và năm 2026, rà soát, xác định rõ dư địa và khả năng đóng góp của từng ngành, lĩnh vực, địa phương; quyết liệt thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng trong những tháng cuối năm, kịp thời có biện pháp hiệu quả đối với những chỉ tiêu thực hiện thấp hơn kế hoạch.

Tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch năm 2026; hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án trọng điểm, khẩn trương tháo gỡ vướng mắc về giải phóng mặt bằng, vật liệu xây dựng, điều chuyển vốn theo thẩm quyền từ các dự án giải ngân chậm sang dự án có khả năng giải ngân tốt; đôn đốc hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình, dự án theo tiến độ, phát huy hiệu quả đầu tư.

Tiếp tục điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách kinh tế vĩ mô khác. Theo dõi sát tình hình trong nước, quốc tế, diễn biến lãi suất, tỷ giá; chỉ đạo, đôn đốc các tổ chức tín dụng giảm mặt bằng lãi suất cho vay đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên, hướng dòng vốn vào các động lực tăng trưởng; bảo đảm thanh khoản, an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, kiểm soát rủi ro, nợ xấu.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước, quản lý hiệu quả nguồn thu, triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên.

Không tăng giá các mặt hàng, dịch vụ do Nhà nước quản lý

Kiểm soát CPI bình quân cả năm trong khoảng 4,5%; rà soát các yếu tố tăng giá theo ngành, địa bàn, nhất là hàng hóa thiết yếu, có nhu cầu lớn dịp cuối năm, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán để có giải pháp kiềm chế lạm phát, không tăng giá các mặt hàng, dịch vụ do Nhà nước quản lý.

Chủ động xây dựng phương án bảo đảm cân đối cung cầu, không để gián đoạn nguồn cung; xử lý nghiêm hành vi đầu cơ, găm hàng, thao túng giá, buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng... Ban Chỉ đạo điều hành giá làm việc trực tiếp với các địa phương, nhất là các tỉnh, thành phố lớn để kiểm soát chặt chẽ giá trên địa bàn.

Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, hạ tầng số... Thúc đẩy khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động, phát triển các ngành kinh tế mới, công nghệ chiến lược, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu số...

Quyết liệt xử lý các dự án tồn đọng, kéo dài

Phát triển kinh tế tư nhân, đầu tư tư nhân, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc vào lĩnh vực có giá trị gia tăng cao.

Quyết liệt xử lý các dự án tồn đọng, kéo dài, xác định rõ phương án, trách nhiệm, thời hạn giải quyết và sớm đưa vào khai thác.

Tập trung đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng, giảm giá, đa dạng hóa xúc tiến thương mại, phân phối hàng hóa sản xuất trong nước, khai thác nhu cầu mua sắm, du lịch dịp cuối năm; tổ chức tốt Hội chợ quốc gia.

Đẩy mạnh xuất khẩu, khai thác các thị trường còn dư địa, giảm mạnh nhập siêu, thúc đẩy thương mại cân bằng, bền vững.

Tập trung phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội trong quá trình hoàn thiện các dự án luật, nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI; kịp thời ban hành văn bản quy định chi tiết bảo đảm có hiệu lực cùng thời điểm với hiệu lực của luật, nghị quyết; chuẩn bị tốt phiên chất vấn, trả lời chất vấn.

Khẩn trương thực hiện Kết luận số 76-KL/TW và các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch hành động của Trung ương; khắc phục bất cập về phân cấp, phân quyền, giải quyết thủ tục hành chính, cơ sở vật chất, công nghệ thông tin... bảo đảm vận hành chính quyền địa phương 2 cấp thông suốt, hiệu quả.

Đẩy nhanh hoàn thiện vị trí việc làm, đề xuất biên chế giai đoạn 2026 - 2031

Đẩy nhanh hoàn thiện vị trí việc làm, đề xuất biên chế giai đoạn 2026 - 2031; khai thác hiệu quả các cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp, phấn đấu hoàn thành trong năm 2026.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách an sinh xã hội, ưu đãi người có công, tạo việc làm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh thực hiện tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ và chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng công tác sơ kết Chiến dịch.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, bảo đảm thuốc, vật tư y tế, an toàn thực phẩm.

Hoàn thành chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê năm 2026; đẩy nhanh tiến độ dự án nhà ở cho công nhân, người lao động, xây dựng trường học tại các xã biên giới; khắc phục tình trạng thiếu trường, lớp, giáo viên.

Phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa; tổ chức tốt Ngày Văn hóa Việt Nam (24/11) gắn kết với Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc (18/11) và chuỗi hoạt động tuần văn hóa đại đoàn kết dân tộc.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là năng lực thực thi tại cơ sở; gắn trách nhiệm với tiến độ, chất lượng, kết quả công việc; khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Không để vướng mắc về cơ chế, chính sách làm mất cơ hội đầu tư, kinh doanh

Chấn chỉnh kịp thời tình trạng né tránh, đùn đẩy, chậm trễ trong thực thi công vụ; giải quyết kịp thời, đúng thẩm quyền các kiến nghị, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, nhất là về lãi suất, thủ tục thuế, hải quan, kiểm tra chuyên ngành, cắt giảm mạnh thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Đẩy nhanh hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ kết nối một cửa liên thông, không để vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục làm mất cơ hội đầu tư, kinh doanh.

Củng cố tiềm lực, giữ vững quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh hiệu quả với các loại tội phạm, nhất là lừa đảo trên không gian mạng, buôn lậu, gian lận thương mại...

Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn. Làm tốt công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại, các cam kết, thỏa thuận quốc tế; chuẩn bị tốt Năm APEC Việt Nam 2027. Nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ HỒ QUỐC DŨNG: CHUYỂN ĐỔI SỐ PHẢI TẠO RA LỢI ÍCH THỰC CHẤT CHO NGƯỜI DÂN

Sáng ngày 13/11/2026 tại Lễ tổng kết, vinh danh các tập thể, cá nhân tiêu biểu hưởng ứng Ngày Công dân số Việt Nam năm 2026, với chủ đề "Việt Nam số - Kết nối tương lai" do Cục Cảnh sát Quản lý về trật tự xã hội (Bộ Công an) tổ chức, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh yêu cầu chuyển kết quả của đợt hưởng ứng thành những nhiệm vụ thường xuyên, lấy giá trị thiết thực mà người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng làm thước đo hiệu quả chuyển đổi số.

Chuyển đổi số ngày càng đi vào đời sống người dân

Phát biểu tại buổi lễ, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đánh giá, chuyển đổi số đang chuyển từ giai đoạn "có nền tảng" sang "có người dùng", từ cung cấp dịch vụ sang tạo ra giá trị và sự thuận tiện thực chất trong đời sống. Các tiện ích số ngày càng đi vào từng giao dịch, từng nhu cầu thiết yếu của người dân, từ dữ liệu, định danh điện tử đến các nền tảng phục vụ dịch vụ công.

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng tiếp tục xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là những động lực quan trọng của mô hình tăng trưởng mới, gắn với nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của Nhân dân. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng xác định người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực và động lực chính; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy và kiến tạo.

Đánh giá kết quả triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Công dân số Việt Nam năm 2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng ghi nhận nhiều chuyển biến cụ thể. Trong đó, 34 địa phương đã rà soát, triển khai các cơ chế khuyến khích miễn, giảm phí, lệ phí; người dân chủ động cung cấp 22 loại giấy tờ, thông tin cho cơ quan nhà nước. Các bộ, ngành, địa phương đã kết nối, liên thông dữ liệu để cắt giảm thành phần hồ sơ của 537 thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Cùng với đó, 34 địa phương đã huy động ít nhất 1 cán bộ và 3 đại sứ số hỗ trợ trực tiếp tại các trung tâm hành chính công, khu vực miền núi, đồng thời hỗ trợ người yếu thế, người gặp khó khăn trong tiếp cận dịch vụ số. Hạ tầng viễn thông cũng được cải thiện khi 164/209 điểm lõm sóng trên toàn quốc đã được xử lý, khắc phục.

Đáng chú ý, Hệ thống đấu giá tài sản công do Bộ Công an triển khai chính thức đã góp phần mở rộng khả năng tham gia đấu giá trực tuyến, tăng tính công khai, minh bạch và hiệu quả xử lý tài sản. Hệ thống ghi nhận 214 cuộc đấu giá thành công, đồng thời hỗ trợ cơ quan nhà nước trong công tác quản lý, kiểm tra và giám sát.

Cần tạo lợi ích thiết thực để người dân chủ động tham gia môi trường số

Bên cạnh những kết quả đạt được, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng cũng chỉ rõ một số hạn chế cần khắc phục. Mức độ sử dụng dịch vụ số giữa các nhóm dân cư và địa bàn chưa đồng đều; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến mới đạt 59,78%. Chất lượng dữ liệu chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; mới có 8/12 cơ sở dữ liệu quốc gia trọng yếu cơ bản hoàn thành nền tảng, kết nối, đối soát và khoảng 67/104 cơ sở dữ liệu được giao cơ bản hình thành tập trung.

Tình trạng lừa đảo, giả mạo trên không gian mạng tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến niềm tin số của người dân. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ tiếp cận công nghệ cũng cần được tăng cường, nhất là đối với người cao tuổi, người khuyết tật, người dân vùng sâu, vùng xa và các nhóm còn hạn chế về kỹ năng, thiết bị.

Để chuyển kết quả hưởng ứng thành nhiệm vụ thường xuyên, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đề nghị các bộ, ngành, địa phương tập trung đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số thông qua nền tảng Bình dân học vụ số; hướng dẫn người dân tích hợp giấy tờ trên VNeID và các nền tảng số; bố trí cán bộ trực tiếp tại trung tâm hành chính công theo phương châm "cầm tay chỉ việc", bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng tiện ích số.

Đồng thời, cần tiếp tục mở rộng các chính sách miễn, giảm phí, lệ phí và ưu đãi dịch vụ. Phó Thủ tướng đề nghị cộng đồng doanh nghiệp cùng tham gia bằng các chương trình giảm giá vé máy bay, vé tàu xe và khuyến mại dịch vụ, tạo thêm lợi ích để khuyến khích người dân chủ động tham gia môi trường số. Theo đó, cần chuyển mạnh từ "vận động người dân sử dụng" sang "tạo ra lợi ích để người dân chủ động tham gia và hình thành thói quen số".

Một nhiệm vụ quan trọng khác là khẩn trương hoàn thiện, làm sạch, chuẩn hóa, kết nối và chia sẻ dữ liệu. Phó Thủ tướng nhấn mạnh nguyên tắc: Nhà nước đã có thông tin thì không yêu cầu người dân kê khai, cung cấp lại thông tin; dữ liệu sạch đến đâu phải đưa vào khai thác, cắt giảm thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ đến đó. Hiệu quả chuyển đổi số cần được đo bằng việc giảm giấy tờ, giảm thời gian và giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Cùng với đó, cần phát triển ứng dụng VNeID và các nền tảng số theo hướng trở thành một điểm truy cập thuận tiện, tin cậy, tích hợp các dịch vụ công, chữ ký số, thanh toán, an sinh, y tế, giáo dục và những dịch vụ thiết yếu. Mỗi tiện ích mới phải mang lại hiệu quả có thể đo đếm được thông qua việc cắt giảm quy trình, thời gian xử lý, số lần đi lại và thành phần hồ sơ.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng cũng yêu cầu tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn và xây dựng văn hóa số; chú trọng xác thực tài khoản giao dịch, định danh không gian mạng, cảnh báo sớm rủi ro, phòng chống lừa đảo. Mỗi công dân cần chủ động nâng cao kỹ năng số, bảo vệ tài khoản, tài sản và dữ liệu cá nhân, ứng xử văn minh, có trách nhiệm trên không gian mạng.

Đặc biệt, người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương phải trực tiếp chỉ đạo, xác định rõ việc, rõ người, rõ thời hạn, rõ sản phẩm, rõ hiệu quả. Kết quả thực hiện cần được đánh giá bằng mức độ sử dụng dịch vụ số thực tế, thời gian và chi phí tiết kiệm cho người dân, mức độ an toàn cũng như sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Đối với cộng đồng doanh nghiệp, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng đề nghị tiếp tục đồng hành cùng Nhà nước, đưa công nghệ và sản phẩm phù hợp vào phục vụ người dân; thiết kế các sản phẩm dễ sử dụng, dễ tiếp cận, an toàn và có cơ chế khuyến khích, miễn giảm phí dịch vụ. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, cơ quan báo chí, truyền thông tiếp tục lan tỏa kỹ năng số, văn hóa số và những mô hình hay, cách làm hiệu quả.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng cũng bày tỏ mong muốn mỗi người dân tiếp tục chủ động hoàn thiện dữ liệu cá nhân trên VNeID, học thêm kỹ năng số, sử dụng thêm dịch vụ số, bảo vệ thông tin cá nhân và hướng dẫn người thân, nhất là người cao tuổi, người yếu thế cùng tham gia môi trường số an toàn.

Với chủ đề "Việt Nam số - Kết nối tương lai", Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng kỳ vọng những tập thể, cá nhân được vinh danh tại buổi lễ sẽ tiếp tục lan tỏa các việc làm thiết thực, góp phần thúc đẩy cơ quan nhà nước phục vụ tốt hơn, doanh nghiệp đổi mới mạnh mẽ hơn và mỗi công dân chủ động, an toàn hơn trong hành trình chuyển đổi số quốc gia.

Nguồn: daibieunhandan.vn

BỘ NỘI VỤ QUY ĐỊNH 14 VỊ TRÍ CỦA CÔNG CHỨC PHẢI ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 29/2026/TT-BNV ngày 30/10/2026 quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nội vụ và chính quyền địa phương.

Theo đó, danh mục vị trí công tác phải thực hiện định kỳ chuyển đổi:

Thẩm định nhân sự để trình cấp có thẩm quyền quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thẩm định nhân sự trình cấp có thẩm quyền thay đổi vị trí việc làm và xếp ngạch công chức theo vị trí việc làm; thay đổi vị trí việc làm viên chức, thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm đối với viên chức.

Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy, biên chế.

Thẩm định các đề án thành lập mới, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp nhà nước, tổ chức phi chính phủ, hội nghề nghiệp.

Thẩm định và công nhận hồ sơ địa giới hành chính các cấp; hồ sơ đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính; hồ sơ đề án và quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, phường, đặc khu loại đặc biệt.

Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ các hội thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.

Thẩm định hồ sơ đề trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

Phân bổ chỉ tiêu, ngân sách đào tạo, bồi dưỡng.

Quản lý, thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Thẩm định hồ sơ người có công; phê duyệt, cấp phát kinh phí ưu đãi đối với người có công.

Thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài, cấp giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài vào làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Thẩm định và cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Thẩm định và cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ kiểm định viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và hoạt động kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Thẩm định hồ sơ chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Thẩm định hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh thông tin, thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hồ sơ đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc theo quy định nêu trên là từ đủ 03 năm đến 05 năm (không bao gồm thời gian không làm việc thực tế theo quy định).

Thời điểm tính thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là thời điểm có hiệu lực thi hành của văn bản điều động, bố trí, phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền theo quy định.

Những trường hợp chưa phải chuyển đổi vị trí công tác

Bên cạnh quy định về danh mục và thời hạn chuyển đổi, Thông tư số 29/2026 cũng đề cập các trường hợp chưa thực hiện chuyển đổi vị trí công tác và việc chuyển đổi trong những trường hợp đặc biệt.

Theo đó, các trường hợp chưa thực hiện chuyển đổi gồm: người đang trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật; đang bị kiểm tra, xác minh, thanh tra, điều tra, truy tố hoặc xét xử. Ngoài ra, quy định cũng áp dụng đối với người đang điều trị bệnh hiểm nghèo có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền; đang học tập trung từ 12 tháng trở lên hoặc được biệt phái.

Đối với trường hợp liên quan đến việc nuôi con nhỏ, phụ nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi cũng thuộc diện chưa thực hiện chuyển đổi. Quy định này đồng thời áp dụng với nam giới đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi do vợ mất hoặc do trường hợp khách quan khác.

Thông tư cũng yêu cầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xây dựng kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo phân cấp quản lý. Trong kế hoạch phải xác định rõ thời hạn thực hiện, trình tự và thủ tục chuyển đổi theo quy định.

Phương Nhung/moha.gov.vn

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN: ĐÃ CÓ DỮ LIỆU THÌ KHÔNG ĐƯỢC YÊU CẦU NGƯỜI DÂN CUNG CẤP LẠI

Sáng ngày 12/11/2026, trong phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại Quốc hội, Đại tướng Lương Tam Quang, Bộ trưởng Bộ Công an làm rõ một số vấn đề liên quan đến dữ liệu được các đại biểu quan tâm.

Theo Bộ trưởng Lương Tam Quang, Bộ Công an là cơ quan được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực này. Theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đến nay đã hoàn thành việc kết nối 9/12 cơ sở dữ liệu trọng yếu và hoàn thành 80/104 cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Về hoàn thiện thể chế, Bộ Công an đã chủ trì xây dựng, trình Quốc hội thông qua và đang tiếp tục trình các dự án luật liên quan. Đồng thời, Bộ đã xây dựng, hoàn thiện và tiếp tục bổ sung các nghị định, quy định về dữ liệu và an ninh dữ liệu.

Đối với hạ tầng dữ liệu, Bộ Công an hiện quản lý Trung tâm Dữ liệu quốc gia số 1, được đưa vào vận hành từ tháng 8/2025.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối với 17 bộ, ngành và 34 địa phương; phục vụ 2,77 tỷ lượt tra cứu, xác thực thông tin. Theo đánh giá, việc khai thác cơ sở dữ liệu này đã giúp tiết kiệm khoảng gần 8.500 tỷ đồng cho ngân sách nhà nước.

Đối với ứng dụng VNeID, hiện có hơn 86,4 triệu tài khoản định danh điện tử của công dân với 85 tiện ích được tích hợp trên ứng dụng. Từ ngày 29/05/2026, Bộ Công an tiếp nhận vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia, kết nối với 16/16 bộ, ngành và 34/34 địa phương, tiếp nhận gần 35 triệu hồ sơ. Bộ Công an cũng đã ban hành khung kiến trúc dữ liệu.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Bộ trưởng Bộ Công an Lương Tam Quang cho biết, hiện vẫn còn một số nhiệm vụ có tính chất liên ngành, phức tạp, khó khăn, chủ yếu liên quan đến dữ liệu. Trong quá trình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, với vai trò là cơ quan thường trực, Bộ Công an đang tiếp tục đôn đốc các bộ, ngành, địa phương xử lý dứt điểm những tồn tại trong công tác làm sạch dữ liệu.

Bộ Công an đã thành lập các tổ công tác để phối hợp, hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương thực hiện làm sạch dữ liệu theo tinh thần "đúng, đủ, sạch, sống"; đồng thời đánh giá, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương và kết nối về trung tâm dữ liệu.

Theo Bộ trưởng Bộ Công an, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW trước đây đặt mục tiêu hoàn thành việc làm sạch dữ liệu để kết nối trước ngày 30/11/2026. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, việc bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện và có sự hướng dẫn của các tổ công tác. Vì vậy, dự kiến đến quý II/2027, toàn bộ hệ thống dữ liệu sẽ được hoàn thiện để đưa vào thực hiện.

Nhấn mạnh các nguyên tắc trong quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu, Bộ trưởng Bộ Công an Lương Tam Quang cho biết, nguyên tắc là "khai một lần, dùng nhiều lần"; đã có dữ liệu thì

không được yêu cầu cung cấp thêm. Dữ liệu phải được chia sẻ dùng chung. Nguyên tắc quản lý dữ liệu là chính xác và toàn vẹn dữ liệu, bảo mật và an toàn, minh bạch và kiểm toán. Mọi hoạt động xử lý dữ liệu và thay đổi dữ liệu đều được phải ghi lại và phải bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn "đúng, đủ, sạch, sống", thống nhất, dùng chung.

Theo Bộ trưởng Bộ Công an Lương Tam Quang, những nguyên tắc này đã được thể chế hóa trong Luật Dữ liệu và các nghị định hướng dẫn, qua đó tạo cơ sở để chấm dứt tình trạng yêu cầu người dân kê khai lặp lại những thông tin đã được thu thập.

Bộ trưởng Bộ Công an Lương Tam Quang khẳng định, với vai trò cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 57, Bộ Công an sẽ tiếp tục đôn đốc, thúc đẩy các bộ, ngành, địa phương triển khai nhiệm vụ, chuyển từ quản trị tiến độ sang quản trị kết quả, gắn với sản phẩm và hiệu quả thực tế. Đồng thời, quá trình phát triển dữ liệu phải luôn đi đôi với bảo đảm an ninh, an toàn.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐỀ XUẤT QUẢN LÝ NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI: CHUYỂN MẠNH TỪ "TIỀN KIỂM" SANG "HẬU KIỂM" TRÊN NỀN TẢNG SỐ

Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật số 22/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Nghị định dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/3/2027, cùng thời điểm Luật sửa đổi có hiệu lực, thay thế các quy định tương ứng tại Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

Những điểm mới trong nội dung dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được thiết kế gồm 10 chương, 63 điều và 2 phụ lục. Phạm vi điều chỉnh của dự thảo bám sát và cụ thể hóa đầy đủ 12 nhóm nội dung được Luật số 22/2026/QH16 giao Chính phủ quy định chi tiết, không mở rộng thêm điều kiện đầu tư kinh doanh hay thủ tục hành chính ngoài quy định của Luật.

Về đối tượng áp dụng, dự thảo bổ sung thêm doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép, doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu, tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài và ngân hàng nhận ký quỹ nhằm bảo đảm tính đồng bộ khi Nghị định quy định trực tiếp về hồ sơ cấp phép, phương thức thông báo và cơ chế quản lý, hoàn trả tiền ký quỹ.

So với các quy định hiện hành, dự thảo Nghị định kế thừa có chọn lọc những quy định đã phát huy hiệu quả ổn định như mức ký quỹ 2 tỷ đồng của doanh nghiệp dịch vụ, mức trần tiền

ký quỹ của người lao động và các điều kiện cốt lõi đối với thị trường Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản, nghề hộ lý và giúp việc gia đình. Đồng thời, dự thảo đưa ra nhiều sửa đổi, bổ sung mang tính đột phá theo hướng giảm quy mô, nâng cao chất lượng, minh bạch hóa quy trình và số hóa toàn diện.

Chuyển đổi số toàn diện và đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính

Dự thảo thể chế hóa mạnh mẽ Nghị quyết số 57-NQ/TW khi quy định toàn bộ thủ tục hành chính, thông báo, báo cáo và cập nhật dữ liệu được thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Giấy phép hoạt động dịch vụ sẽ có bản điện tử ký số với giá trị pháp lý tương đương bản giấy. Cơ quan giải quyết thủ tục tuyệt đối không được yêu cầu doanh nghiệp, người dân nộp lại các giấy tờ, thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành được liên thông, chia sẻ như dữ liệu dân cư, đăng ký doanh nghiệp, lý lịch tư pháp và bảo hiểm xã hội.

Nhờ áp dụng cơ chế thông báo trực tuyến thay cho thủ tục tiền kiểm, số lượng thủ tục hành chính trong lĩnh vực này được rút gọn từ 9 thủ tục xuống còn 7 thủ tục. Doanh nghiệp được phép triển khai hoạt động ngay tại thời điểm hoàn thành việc thông báo đáp ứng điều kiện thị trường hoặc thông báo danh sách lao động trên hệ thống dữ liệu mà không phải chờ đợi văn bản chấp thuận.

Thời hạn giải quyết các thủ tục cũng được cắt giảm đáng kể: cấp Giấy phép mới giảm từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc; cấp đổi Giấy phép còn 10 ngày làm việc; cấp lại Giấy phép và điều chỉnh thông tin không liên quan đến điều kiện chỉ còn 5 ngày làm việc; đăng ký hợp đồng thực tập và hợp đồng lao động trực tiếp giao kết rút xuống còn 3 ngày làm việc. Đặc biệt, dự thảo bãi bỏ hoàn toàn lệ phí đối với các thủ tục điều chỉnh thông tin, cấp lại và cấp đổi Giấy phép nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiết giảm chi phí tuân thủ.

Giảm điều kiện về quy mô, nâng tiêu chuẩn chất lượng đào tạo

Một trong những điểm nhấn quan trọng của dự thảo là điều chỉnh điều kiện về cơ sở vật chất tổ chức giáo dục định hướng theo hướng cắt giảm 50% quy mô tối thiểu nhưng nâng cao chất lượng trên từng học viên. Cụ thể, quy mô tối thiểu của phòng học và phòng nội trú được giảm từ 100 học viên xuống còn 50 học viên tại một thời điểm. Sự thay đổi này xuất phát từ định hướng chuyển dịch từ xuất khẩu lao động phổ thông số lượng lớn sang ưu tiên đưa người lao động đã qua đào tạo, có trình độ chuyên môn kỹ thuật đi làm việc ở nước ngoài, tổ chức lớp học quy mô nhỏ kết hợp đào tạo trực tuyến.

Dù giảm quy mô tối thiểu để giảm gánh nặng đầu tư cho doanh nghiệp, dự thảo lại nâng chuẩn chất lượng cơ sở vật chất lên ngang tầm quy định của ngành giáo dục và tiệm cận điều kiện ăn ở tại Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc). Theo đó, phòng học phải đạt diện tích tối thiểu 1,5 m^2/học viên (tăng từ mức 1,4 m^2 hiện hành), trang bị đầy đủ thiết bị nghe nhìn và kết nối internet; phòng nội trú đạt tối thiểu 4,0 m^2/học viên (tăng từ 3,5 m^2), bố trí không quá 10 học viên/phòng, tối đa 25 học viên dùng chung một khu vệ sinh và bắt buộc có phòng y tế cùng trang thiết bị sơ cứu. Doanh nghiệp cũng phải bảo đảm có tối thiểu 6 nhân viên nghiệp vụ cơ hữu trình độ từ cao đẳng trở lên, ký hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên và tham gia bảo hiểm

xã hội bắt buộc tại doanh nghiệp. Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp bắt buộc sử dụng tên miền quốc gia ".vn" và đăng ký công khai với Bộ Nội vụ để phòng ngừa tình trạng mạo danh, lừa đảo trên không gian mạng.

Thiết lập cơ chế "tiền kiểm có trọng tâm" và phân loại xử lý vi phạm minh bạch

Để khắc phục lỗ hổng doanh nghiệp kê khai khống cơ sở vật chất trên hồ sơ, dự thảo bổ sung quy trình phối hợp kiểm tra, xác minh điều kiện thực tế ngay trong khâu thẩm định cấp Giấy phép. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Nội vụ sẽ trực tiếp tổ chức hoặc đề nghị Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt cơ sở đào tạo tiến hành kiểm tra thực địa. Thời gian xác minh này nằm trọn trong thời hạn 15 ngày làm việc cấp Giấy phép, không làm phát sinh thêm thủ tục hay kéo dài thời gian chờ đợi của doanh nghiệp, đồng thời giúp chính quyền địa phương nắm bắt và giám sát hoạt động của doanh nghiệp ngay từ đầu.

Bên cạnh đó, dự thảo thiết lập cơ chế xử lý mang tính nhân văn nhưng nghiêm minh khi doanh nghiệp không duy trì đủ điều kiện hoạt động. Nếu doanh nghiệp chủ động thông báo thay đổi hoặc nộp hồ sơ điều chỉnh thông tin cho thấy có điều kiện chưa đáp ứng do nguyên nhân khách quan (như người đại diện pháp luật ốm đau, nghỉ việc hoặc cơ sở đào tạo bị thu hồi mặt bằng đột xuất), Bộ Nội vụ sẽ cho doanh nghiệp thời hạn 10 ngày làm việc để khắc phục, hoàn thiện mà không làm gián đoạn hoạt động. Ngược lại, nếu doanh nghiệp cố tình che giấu, không thực hiện nghĩa vụ thông báo và bị phát hiện không đủ điều kiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, cơ quan chức năng sẽ tiến hành thu hồi ngay Giấy phép mà không áp dụng thời hạn khắc phục.

Bảo vệ chặt chẽ quyền lợi người lao động và phân cấp rõ nét cho địa phương

Dự thảo quy định cụ thể và toàn diện việc xử lý tiền ký quỹ của doanh nghiệp khi giải thể, phá sản, bị thu hồi hoặc nộp lại Giấy phép. Trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản, tiền ký quỹ của doanh nghiệp phải được ưu tiên sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ đối với người lao động trước khi xử lý theo pháp luật về phá sản; ngân hàng nhận ký quỹ có trách nhiệm hoàn trả tiền ký quỹ kèm lãi trong thời hạn 5 ngày làm việc sau khi doanh nghiệp hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ với người lao động và nhà nước.

Phương Nhung/moha.gov.vn

HẢI QUAN TẬP TRUNG ĐƠN GIẢN HÓA QUY TRÌNH, 100% KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC ĐƯỢC SỐ HÓA VÀ TÁI SỬ DỤNG DỮ LIỆU

Cục Hải quan có Quyết định số 1761/QĐ-CHQ ngày 02/11/2026 ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ và Quyết định số 2735/QĐ-BTC ngày 30/9/2026 của Bộ Tài chính về đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030.

Kế hoạch xác định mục tiêu đổi mới thực chất, toàn diện công tác cải cách thủ tục hành chính, trong đó tập trung đơn giản hóa quy trình, giảm gánh nặng tuân thủ, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đáng chú ý, Cục Hải quan đặt mục tiêu bảo đảm không phát sinh thêm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc phạm vi quản lý. Đồng thời, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình; hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa và tái sử dụng dữ liệu.

Riêng đến năm 2027, phấn đấu 100% thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Cục Hải quan đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa và tái sử dụng dữ liệu, bảo đảm các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Cục Hải quan xác định các nhóm nhiệm vụ trọng tâm, gồm: Kiểm soát quy định thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; phân bổ nguồn lực; kiểm tra, giám sát và truyền thông về cải cách thủ tục hành chính.

Trong đó, các đơn vị thuộc Cục Hải quan được giao chủ động rà soát, đánh giá các quy định thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý; đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa, bảo đảm không phát sinh quy định gây khó khăn, làm tăng chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Cùng với đó, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin; hoàn thiện các hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Việc giải quyết thủ tục hành chính phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định, đồng thời tăng cường tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

Theo Cục Hải quan, việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính được kỳ vọng sẽ tạo chuyển biến thực chất trong hoạt động quản lý của ngành Hải quan, giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục, nâng cao hiệu quả phục vụ doanh nghiệp, qua đó góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030.

Nguồn: baochinhphu.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG

HÀ NỘI: QUYẾT LIỆT GIẢM 50% THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỜI GIAN GIẢI QUYẾT

Sáng ngày 10/11/2026, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Trương Việt Dũng chủ trì cuộc họp nghe báo cáo chuyên đề về một số nội dung liên quan đến công tác cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; triển khai thí điểm Mô hình Trạm Công dân số trên địa bàn thành phố Hà Nội và một số công việc trọng tâm của Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố.

Cắt giảm 473 thủ tục, đề xuất bãi bỏ thêm 194 thủ tục

Báo cáo tại cuộc làm việc, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội Phan Văn Phúc cho biết, đến ngày 01/11/2026, Trung tâm đã nhận được kết quả rà soát của 14/14 sở, ban, ngành. Trong phạm vi 1.190 thủ tục hành chính thuộc diện rà soát, thành phố đã cắt giảm 473 thủ tục và đề xuất cắt giảm, bãi bỏ thêm 194 thủ tục. Tổng số đạt 667 thủ tục hành chính, tương đương 56,1%, vượt mục tiêu tối thiểu 50%.

Trong số 194 thủ tục hành chính đề xuất cắt giảm, bãi bỏ, Sở Xây dựng có 72 thủ tục, Sở Nông nghiệp và Môi trường có 69 thủ tục, chiếm 72,7% số đề xuất. Các lĩnh vực tập trung rà soát chủ yếu gồm hàng hải, đường thủy nội địa, đường bộ, đường sắt, lâm nghiệp, kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Cùng với cắt giảm số lượng, thành phố tiếp tục rà soát thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Có 5 cơ quan đề xuất rút ngắn thời gian đối với 113 thủ tục. Trong đó, Sở Tư pháp đề xuất giảm 50% thời gian đối với 8 thủ tục. Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố đề xuất giảm 42,3% đối với 58 thủ tục. Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất giảm 25% đối với 33 thủ tục. Tính trên 108 thủ tục có số liệu thời hạn, tổng thời gian giải quyết dự kiến giảm 447,5 ngày, tương ứng 33,4% so với quy định hiện hành.

Đáng chú ý, qua rà soát, có 753 thủ tục hành chính không phát sinh hồ sơ; nếu tính cả 316 thủ tục hành chính chỉ phát sinh từ 1 đến 3 hồ sơ thì có 1.069 thủ tục không phát sinh hoặc phát sinh rất ít hồ sơ. Đây là nhóm có dư địa cắt giảm lớn. Tuy nhiên, Trung tâm Phục vụ hành chính công cho rằng, cần đánh giá kỹ thời gian thực hiện, nhất là những thủ tục mới được ban hành, phân cấp, phân quyền; ưu tiên xem xét các thủ tục không phát sinh hồ sơ trong 3 năm liên tiếp để có cơ sở đề xuất bãi bỏ.

Về tái cấu trúc quy trình, đến ngày 01/11/2026, thành phố đã hoàn thành đối với 1.609/1.721 thủ tục hành chính, đạt 93,5%; còn ít nhất 26 thủ tục cần hoàn thiện để đạt mục tiêu 95% trước ngày 31-12-2026. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính năm 2026 ước tính tiết kiệm khoảng 562 tỷ đồng mỗi năm. Riêng nhóm 25 thủ tục hành chính trọng điểm, chiếm khoảng 81% tổng lượng hồ sơ toàn thành phố, chi phí tuân thủ dự kiến tiết kiệm khoảng 1.731 tỷ đồng mỗi năm khi các phương án được vận hành đồng bộ.

Về thí điểm mô hình Trạm Công dân số, mỗi Trạm dự kiến có hai cabin gồm Ki-ốt dịch vụ đa tiện ích và Cabin Sức khỏe số, phục vụ các nhu cầu như thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán, tra cứu thông tin, gọi khẩn cấp SOS và đo một số chỉ số sức khỏe. Giai đoạn đầu ưu tiên tích hợp 25 thủ tục hành chính thiết yếu; các tiện ích về thuế, bảo hiểm y tế, khám, chữa bệnh sẽ được nghiên cứu bổ sung sau. Đến ngày 01/11/2026, Trung tâm đã hoàn thành khảo sát địa điểm, lấy ý kiến các đơn vị và phối hợp chuẩn bị hạ tầng. Một số xã, phường như: Cửa Nam, Thư Lâm, Phúc Thịnh đã chủ động chuẩn bị mặt bằng và hạ tầng.

Tại cuộc làm việc, đại diện lãnh đạo các sở: Công thương, Tư pháp đã trao đổi về kết quả rà soát, những khó khăn trong quá trình triển khai và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

Đại diện Sở Công Thương cho biết, từ đầu năm 2026, Sở đã cắt giảm 156 thủ tục hành chính, đồng thời tiếp tục rà soát nhưng dư địa cắt giảm không còn nhiều do nhiều thủ tục có thể đơn giản hóa đã được xử lý trong các đợt trước, trong khi phát sinh thêm thủ tục mới được phân cấp từ Trung ương. Sở kiến nghị thống nhất mốc thời gian, mẫu số tính toán để bảo đảm đánh giá công bằng giữa các đơn vị; đồng thời xem xét cả kết quả rút ngắn thời gian giải quyết và cắt giảm thành phần hồ sơ.

Đại diện Sở Tư pháp trao đổi về việc thẩm định cơ sở pháp lý đối với các phương án cắt giảm, đơn giản hóa, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công hoàn thiện hồ sơ kiến nghị bộ, ngành đối với những thủ tục thuộc thẩm quyền Trung ương.

Một tuần hoàn thiện phương án cắt giảm thủ tục

Phát biểu kết luận cuộc làm việc, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trương Việt Dũng ghi nhận sự chủ động của một số sở, ngành trong rà soát, đề xuất cắt giảm thủ tục hành chính và thời gian giải quyết.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố nhấn mạnh, yêu cầu đặt ra là phải thực hiện đồng thời hai mục tiêu: Cắt giảm tối thiểu 50% số lượng thủ tục hành chính và 50% thời gian giải quyết. Trong khi kết quả cắt giảm số lượng hiện đã đạt 56,1% trên phạm vi 1.190 thủ tục rà soát, tỷ lệ giảm thêm về thời gian giải quyết mới đạt 33,4%. Vì vậy, các sở, ngành cần tiếp tục rà soát kỹ từng quy trình, không dừng lại ở kết quả đã đạt được; xác định rõ những khâu còn có thể rút ngắn, những thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu, qua đó giảm thực chất thời gian và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Đối với 194 thủ tục hành chính đang được đề xuất cắt giảm, bãi bỏ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trương Việt Dũng yêu cầu làm rõ căn cứ, thẩm quyền và tính khả thi của từng phương án; phân định cụ thể những thủ tục thuộc thẩm quyền thành phố với những thủ tục phải kiến nghị bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bãi bỏ. Việc tính toán kết quả phải thống nhất về phạm vi, mẫu số và thời điểm rà soát, tránh nhầm lẫn giữa số thủ tục đã được cắt giảm thực tế với số mới dừng ở mức đề xuất. Đặc biệt, cần rà soát kỹ nhóm thủ tục hành chính không phát sinh hồ sơ trong thời gian dài, đánh giá đầy đủ cơ sở thực tiễn trước khi đề xuất bãi bỏ.

Đồng chí yêu cầu các sở, ngành khẩn trương rà soát lại phương án, hoàn thiện số liệu và gửi kết quả trong thời hạn một tuần. Sau thời hạn này, thành phố sẽ tổ chức làm việc, kiểm

điểm tiến độ, xem xét trách nhiệm những đơn vị chậm triển khai; các trường hợp không đáp ứng yêu cầu sẽ được tổng hợp, báo cáo đồng chí Bí thư Thành ủy.

Giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các đơn vị nghiên cứu nền tảng dữ liệu, công cụ phục vụ quản lý, theo dõi và đánh giá quá trình giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm số liệu được cập nhật, thống nhất và có thể kiểm chứng. Sở Tư pháp phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công rà soát cơ sở pháp lý, đề xuất cơ chế tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình đơn giản hóa thủ tục; nghiên cứu phương án triển khai theo từng bước, trong đó có thể xem xét cơ chế thí điểm có kiểm soát đối với những nội dung cần thiết, bảo đảm đúng thẩm quyền và quy định pháp luật.

Đối với Trạm Công dân số, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu sớm hoàn thiện, ban hành kế hoạch thí điểm, tạo cơ sở để doanh nghiệp triển khai lắp đặt và các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ. Các cơ quan, địa phương phối hợp bảo đảm điều kiện về hạ tầng, an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và thiết bị sức khỏe trước khi đưa Trạm vào vận hành. Trung tâm có trách nhiệm theo dõi, đối soát số liệu, đánh giá hiệu quả theo các tiêu chí đã được phê duyệt; chỉ đề xuất triển khai giai đoạn tiếp theo hoặc nhân rộng khi có kết quả thực tế.

Với công tác thu phí, lệ phí, đồng chí yêu cầu các đơn vị tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện phương án tổ chức thu, hạch toán và đối soát, bảo đảm đúng quy định, minh bạch, không để phát sinh bất cập trong quản lý dòng tiền. Việc phân công trách nhiệm giữa Trung tâm và cơ quan được giao thu phải rõ ràng, đồng thời tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và giảm khối lượng công việc kiêm nhiệm cho cán bộ tại các điểm tiếp nhận hồ sơ.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: PHẤN ĐẤU TỐI THIỂU 80% HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XỬ LÝ TRỰC TUYẾN

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vừa ban hành văn bản yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu rà soát, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026.

Theo chỉ đạo, các sở, ngành và địa phương phải rà soát, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành 100% nhiệm vụ tại Công văn số 8208/UBND-VX ngày 07/9/2026, Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 và Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng SIPAS của thành phố.

Các sở, ngành đẩy nhanh tham mưu ban hành văn bản triển khai Luật Phát triển đô thị, đồng thời thực hiện kế hoạch tăng trưởng hai con số, phấn đấu giải ngân 100% vốn đầu tư công được giao.

Trong giải quyết thủ tục hành chính, thành phố yêu cầu các đơn vị cập nhật đầy đủ số liệu tiếp nhận, xử lý hồ sơ và dịch vụ công trực tuyến lên cổng thông tin theo dõi. Hồ sơ sắp đến hạn phải được ưu tiên giải quyết; việc số hóa, ký số kết quả cần thực hiện đầy đủ, bảo đảm thống nhất giữa hồ sơ điện tử và hồ sơ giấy.

Các đơn vị phải tăng cường hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, phấn đấu tối thiểu 80% hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình.

Thành phố cũng yêu cầu các sở, ngành, địa phương tự đánh giá Chỉ số cải cách hành chính và khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; tăng cường kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh những hạn chế.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp Trung tâm Chuyển đổi số tổng hợp số liệu giải quyết thủ tục hành chính, báo cáo Sở Nội vụ trước ngày 15/12/2026.

Các sở, ngành được phân công nhiệm vụ cụ thể: Sở Tư pháp đôn đốc ban hành văn bản triển khai Luật Phát triển đô thị; Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu giải pháp đạt tỷ lệ tối thiểu 80% hồ sơ trực tuyến toàn trình; Sở Tài chính theo dõi tăng trưởng kinh tế, phấn đấu thu ngân sách vượt 4% chỉ tiêu Chính phủ giao và giải ngân 100% vốn đầu tư công.

Trung tâm Chuyển đổi số phải đưa vào vận hành cổng theo dõi giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm 100% dịch vụ dữ liệu trên nền tảng NDXP được sử dụng chính thức. Công an Thành phố Hồ Chí Minh đôn đốc hoàn thành hồ sơ an toàn thông tin cho 100% hệ thống.

Sở Nội vụ theo dõi, đánh giá PAR INDEX, phối hợp khảo sát SIPAS, kiểm tra công vụ, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06; đồng thời xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm 2027.

Nguồn: vietnamnet.vn

TIẾP TỤC SẮP XẾP MẠNG LƯỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP; KIỆN TOÀN CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành văn bản số 619/KH-UBND về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, đề ra nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập; kiện toàn tổ chức các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính cấp xã.

Quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm các kết luận, chỉ đạo của Trung ương và Thành ủy

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tổ chức học tập, quán triệt nghiêm túc Kết luận số 76-KL/TW, Kế hoạch số 06-KH/TW, Nghị quyết số 221/NQ-CP, Kế hoạch số 121-KH/TU và Kế hoạch này đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động.

Khẩn trương rà soát chương trình, kế hoạch công tác; bổ sung, cụ thể hóa các nội dung được giao tại kế hoạch thành nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm và trách nhiệm thực hiện, bảo đảm thống nhất với Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành; hoàn thiện cơ chế vận hành đồng bộ, chủ động, thông suốt

Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý, điều hành theo hướng phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chuyển mạnh từ quản lý theo quy trình sang quản trị theo kết quả, sản phẩm và chất lượng phục vụ; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực.

Chuẩn hóa quy trình xử lý công việc trên môi trường số; tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện và kịp thời phát hiện, xử lý tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, chậm trễ hoặc phối hợp không hiệu quả và kịp thời điều chỉnh những nội dung không còn phù hợp.

Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với nguồn lực và kiểm soát quyền lực

Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định, quy trình công tác, cơ chế phối hợp; khắc phục chồng chéo, trùng lắp, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cấp, các ngành.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền theo phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm", gắn với phân bổ nguồn lực, điều kiện thực hiện và cơ chế kiểm tra, giám sát; tập trung vào các lĩnh vực quản lý đô thị, đầu tư, đất đai, xây dựng, tài chính - ngân sách và cung ứng dịch vụ công theo quy định. Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên thông giữa các ngành, các cấp; chuẩn hóa quy trình xử lý công việc, rút ngắn thời gian giải quyết, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tăng cường tái sử dụng dữ liệu số, cắt giảm việc xác nhận, xác minh, xin ý kiến, thỏa thuận không cần thiết; hạn chế tối đa việc đẩy trách nhiệm cho người dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức hệ thống hành chính nhà nước phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức hành chính cấp xã theo hướng hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm không chồng chéo, không bỏ trống nhiệm vụ.

Chủ động nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức phù hợp với đặc thù Thành phố; phối hợp nghiên cứu mô hình tổ chức gắn với khu kinh tế đặc biệt, không gian phát triển mới và mô hình đơn vị hành chính cấp xã mang tính hạt nhân khi có chủ trương, hướng dẫn của Trung ương.

Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh tự chủ, xã hội hóa, chuyển giao những nhiệm vụ, dịch vụ công mà Nhà nước không nhất thiết trực tiếp thực hiện cho khu vực ngoài nhà nước theo quy định.

Thường xuyên theo dõi, đánh giá việc vận hành mô hình tổ chức và chính quyền địa phương 02 cấp; kịp thời tổng kết thực tiễn, phát hiện, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, hoàn thiện các quy định, cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Thành phố.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của mô hình tổ chức mới "Đúng cơ cấu - đủ năng lực - giỏi thực thi - quản trị hiện đại - trách nhiệm cao"

Tiếp tục rà soát, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực và yêu cầu của mô hình tổ chức mới; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị vững vàng, chuyên nghiệp, tận tụy, có tư duy đổi mới, năng lực quản trị hiện đại, tinh thần phục vụ Nhân dân và khát vọng cống hiến; xác định năng lực thực thi của đội ngũ cán bộ cấp xã là yếu tố quyết định hiệu quả vận hành của mô hình mới.

Đổi mới mạnh mẽ công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ gắn với yêu cầu chuyển đổi số, cải cách hành chính và nâng cao chất lượng quản trị đô thị; chú trọng đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ khoa học - công nghệ và cán bộ quản lý cơ sở; tăng cường luân chuyển, điều động cán bộ có năng lực về cơ sở, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, quy hoạch, đầu tư, tài chính, tư pháp, công nghệ và chuyển đổi số.

Xây dựng cơ chế phát hiện, thu hút, trọng dụng và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương, kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.

Đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và phát huy trách nhiệm người đứng đầu

Thực hiện nghiêm nguyên tắc "quyền hạn giao đến đâu, trách nhiệm giải trình và cơ chế kiểm soát đến đó"; hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục, từ sớm, từ xa; xây dựng hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá theo kết quả đầu ra, gắn với chất lượng, tiến độ và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, giải trình; tăng cường kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ; kịp thời chấn chỉnh, xử lý các biểu hiện né tránh, đùn đẩy trách nhiệm hoặc để xảy ra chậm trễ, sai phạm.

Xử lý hiệu quả trụ sở, tài sản công, hồ sơ, tài liệu; bảo đảm nguồn lực và điều kiện hoạt động cho cấp xã

Rà soát, phân loại, xử lý trụ sở, nhà đất, tài sản công dôi dư sau sắp xếp theo quy định; không để trụ sở bỏ hoang, sử dụng kém hiệu quả hoặc kéo dài tình trạng chưa có phương án xử lý.

Hoàn thành tiếp nhận, chỉnh lý, phân loại, số hóa, quản lý tập trung hồ sơ, tài liệu, dữ liệu; ưu tiên hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp.

Rà soát điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đường truyền, máy tính, chữ ký số, phần mềm chuyên ngành, bộ phận một cửa và các điều kiện thiết yếu; chủ động bố trí, đề xuất nguồn lực bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt của chính quyền cấp xã.

Lấy chuyển đổi số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo làm phương thức đột phá trong vận hành mô hình mới

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng dùng chung, cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, số hóa quy trình nghiệp vụ, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu "đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung", giảm giấy tờ, giảm thời gian, giảm chi phí và hạn chế yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu.

Xây dựng, vận hành hệ thống chỉ đạo, điều hành trên môi trường số; chuyển mạnh sang quản trị dựa trên dữ liệu và kết quả; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và công nghệ số trong thực thi công vụ, cung cấp dịch vụ công, hỗ trợ ra quyết định, theo dõi tiến độ và đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ; tiếp tục nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cấp xã.

Tăng cường năng lực bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu; xây dựng cơ chế giám sát, phòng ngừa, phát hiện và xử lý sự cố, bảo đảm các hệ thống thông tin, nền tảng số hoạt động an toàn, thông suốt.

Nguồn: baochinhphu.vn

LẠNG SƠN: RÀ SOÁT TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2026

Ngày 10/11/2026, đồng chí Trần Thanh Nhàn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn chủ trì cuộc họp rà soát, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Lạng Sơn năm 2026; xác định các nội dung còn hạn chế, khó khăn, vướng mắc và giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

Theo báo cáo tại cuộc họp, trong 10 tháng đầu năm 2026, công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh được triển khai đồng bộ và đạt nhiều kết quả tích cực. Toàn tỉnh đã hoàn thành 22/49 nhiệm vụ theo kế hoạch cải cách hành chính năm 2026; hoàn thành 106/188 nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; khắc phục 72/73 hạn chế qua kiểm tra cải cách hành chính, đạt 98,63%.

Công tác cải cách tổ chức bộ máy, chế độ công vụ tiếp tục được quan tâm, trong đó đã hoàn thành phê duyệt 100% vị trí việc làm đối với công chức, viên chức. Toàn tỉnh đã hoàn thành tổ chức 31/31 lớp đào tạo, bồi dưỡng, đạt 100% kế hoạch.

Cùng với đó, về công tác cải cách thủ tục hành chính, 100% trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã được đầu tư cơ bản về cơ sở vật chất, trang thiết bị; 100% thủ tục hành chính công bố trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, kịp thời đăng tải lên Cổng thông tin điện

tử của tỉnh theo quy định; 332 phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức được giải quyết kịp thời, đúng thẩm quyền.

Lĩnh vực chuyển đổi số ghi nhận nhiều chuyển biến với 21/23 mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản hoàn thành; 100% văn bản điện tử (trừ văn bản mật) được xử lý, ký số trên môi trường điện tử; 7.547 tài khoản Trợ lý ảo công chức số xứ Lạng được cấp cho cán bộ, công chức từ tỉnh đến cơ sở...

Tại cuộc họp, các đại biểu tập trung thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện từng nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần của chỉ số cải cách hành chính; phân tích những tồn tại, hạn chế, nhất là các nhiệm vụ chưa hoàn thành, những tiêu chí có nguy cơ không đạt điểm tối đa hoặc chưa có đủ tài liệu kiểm chứng. Đồng thời, phân tích nguyên nhân, xác định trách nhiệm và đề xuất giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

Phát biểu kết luận cuộc họp, đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động rà soát toàn diện các nhiệm vụ, tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực được giao phụ trách. Đối với những nhiệm vụ chưa hoàn thành, tiêu chí còn hạn chế, cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm, xây dựng giải pháp khắc phục cụ thể, gắn với tiến độ và kết quả đầu ra.

Đồng chí nhấn mạnh, thời gian còn lại của năm 2026 không nhiều, do đó các cơ quan, đơn vị cần tập trung cao độ, quyết liệt triển khai những nhiệm vụ còn tồn đọng; tăng cường phối hợp, kịp thời trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tổ Công tác cải cách hành chính tỉnh và cơ quan thường trực tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị hoàn thiện hồ sơ, tài liệu kiểm chứng; thường xuyên cập nhật tiến độ, tổng hợp những vấn đề phát sinh để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2026, góp phần cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

Nguồn: baolangson.vn

PHÚ THỌ: ĐẶT MỤC TIÊU 95% NGƯỜI DÂN HÀI LÒNG VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH

Tỉnh Phú Thọ đặt mục tiêu tạo chuyển biến thực chất trong cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030 với 8 nhóm nhiệm vụ trọng tâm, đẩy mạnh chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục, nâng cao chất lượng phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo.

Lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo

Ngày 05/10/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Kế hoạch số 392/KH-UBND về triển khai thực hiện Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026 - 2030. Kế hoạch không chỉ đặt ra những mục tiêu cụ thể mà còn xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng sở, ngành, địa phương, tạo cơ sở để triển khai đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh.

Ông Trần Việt Cường, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Nội vụ Phú Thọ cho biết, điểm đáng chú ý là Phú Thọ đặt mục tiêu nâng cao vị trí các chỉ số đánh giá chất lượng điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Cụ thể, phấn đấu Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) nằm trong top 10; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) nằm trong top 15; Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thuộc top 5 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước.

Cùng với cải thiện các chỉ số, tỉnh chú trọng nâng cao chất lượng giải quyết công việc hằng ngày tại cơ sở. Phấn đấu trên 95% hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn ở cả cấp tỉnh và cấp xã; 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được cấp dưới dạng điện tử. Đến năm 2027, có 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Đến năm 2029, tối thiểu 95% người dân, doanh nghiệp hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; riêng các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

Đây là những mục tiêu cho thấy quyết tâm chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy phục vụ, để mỗi thủ tục được giải quyết nhanh hơn, mỗi quy trình được đơn giản hóa và người dân, doanh nghiệp thực sự cảm nhận được sự thay đổi trong hoạt động của cơ quan công quyền.

Theo ông Trần Việt Cường, việc xây dựng các mục tiêu cụ thể cho giai đoạn 2026 - 2030 tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xác định nhiệm vụ, lộ trình và trách nhiệm thực hiện. Điều quan trọng là các nhiệm vụ cải cách phải được triển khai đồng bộ, gắn với hiệu quả công việc và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; qua đó tạo chuyển biến rõ nét trong hoạt động của bộ máy hành chính.

Chuyển đổi số tạo động lực cải cách

Một trong những hướng đi quan trọng được Phú Thọ xác định trong giai đoạn tới là đẩy mạnh chuyển đổi số, đưa công nghệ vào sâu hơn trong hoạt động quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính.

Theo kế hoạch, đến năm 2027, 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa. Đến năm 2030, tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 90%.

Đặc biệt, tỉnh hướng tới số hóa 100% dữ liệu đất đai, quy hoạch, thủ tục đầu tư, kinh doanh; triển khai "luồng xanh" thủ tục hành chính đối với một số lĩnh vực liên quan đến đầu tư, xây dựng, đất đai. Các cơ quan, đơn vị từng bước chuẩn hóa, kết nối và khai thác hiệu quả dữ liệu dùng chung, hạn chế tình trạng người dân, doanh nghiệp phải cung cấp nhiều lần những thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu.

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, trợ lý số, tổng đài thông minh cũng được đặt ra nhằm hỗ trợ hướng dẫn, tiếp nhận, theo dõi và cảnh báo tiến độ giải quyết hồ sơ. Đây là những giải pháp có ý nghĩa thiết thực, góp phần giảm thời gian đi lại, chờ đợi, đồng thời nâng cao tính công khai, minh bạch trong giải quyết công việc.

Cùng với hiện đại hóa quy trình hành chính, tỉnh tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Mục tiêu đến năm 2027 hoàn thành sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước; đến năm 2029, 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

Tỉnh cũng đặt mục tiêu đến năm 2029, Chỉ số SIPAS đạt tối thiểu 95%; mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%. Đến năm 2030, tiếp tục tinh giản biên chế từ 5-10% so với năm 2026. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện giảm tối thiểu 15% số lượng văn bản hành chính so với năm trước và giảm 10% số lượng hội nghị hằng năm.

Rõ người, rõ việc, quyết tâm thực hiện

Để các mục tiêu không dừng lại trên văn bản, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị. Trong đó, Sở Nội vụ giữ vai trò tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch; tập trung vào cải cách tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và theo dõi các chỉ số cải cách hành chính, mức độ hài lòng của người dân.

Sở Tư pháp tập trung nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra, rà soát và tổ chức thi hành pháp luật. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; kiểm soát thủ tục hành chính, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

Sở Khoa học và Công nghệ đảm nhiệm các nhiệm vụ về phát triển chính quyền số, hạ tầng số, dữ liệu số, đồng thời thúc đẩy ứng dụng công nghệ mới trong quản lý, điều hành.

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao để xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện phù hợp; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội, góp phần đưa công tác cải cách hành chính đến gần hơn với người dân.

Nguồn: tienphong.vn

THÁI NGUYÊN: DẪN ĐẦU CẢ NƯỚC VỀ HOÀN THIỆN DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

Với gần 4 triệu thửa đất được rà soát, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, tỉnh Thái Nguyên đã đạt kết quả nổi bật trong Chiến dịch 180 ngày đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai. Tỉnh hoàn thành 99,9% khối lượng xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đứng đầu toàn quốc và về đích sớm 2 tháng so với kế hoạch Trung ương. Kết quả này tạo nền tảng chuyển từ quản lý đất đai chủ yếu bằng hồ sơ truyền thống sang quản lý dựa trên dữ liệu số.

Nhiệm vụ chưa có tiền lệ

Đất đai là tài nguyên đặc biệt, nguồn lực quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, qua nhiều giai đoạn quản lý, sử dụng, hệ thống hồ sơ địa chính ở một số nơi còn thiếu đồng bộ; thông tin về thửa đất, chủ sử dụng đất và những biến động phát sinh chưa được cập nhật đầy đủ. Những tồn tại này gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước và ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

Ngày 02/4/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 133/KH-UBND triển khai Chiến dịch 180 ngày thực hiện công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai. Đây được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thiết thực trong tiến trình chuyển đổi số của tỉnh.

Thách thức đặt ra rất lớn khi gần 4 triệu thửa đất phân bố trên địa bàn 92 xã, phường, từ đô thị đến vùng sâu, vùng cao. Nhiều thửa đất trải qua các lần chuyển nhượng, thừa kế, chia tách; hồ sơ lưu trữ chưa đầy đủ, thông tin giữa giấy tờ và thực tế còn khác biệt. Tại các địa bàn miền núi, dân cư phân tán, điều kiện đi lại khó khăn càng làm tăng áp lực thu thập, xác minh thông tin.

Trong khi đó, chính quyền cấp xã vừa phải bảo đảm hoạt động hành chính thường xuyên, vừa đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ mới sau sắp xếp tổ chức bộ máy. Việc huy động nhân lực triển khai chiến dịch với yêu cầu cao về tiến độ, chất lượng là áp lực không nhỏ.

Trước yêu cầu ấy, tỉnh đã huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, phát huy trách nhiệm người đứng đầu, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Tiến độ được theo dõi thường xuyên, những khó khăn về nghiệp vụ, kỹ thuật được kịp thời tháo gỡ. Mỗi xã, phường xác định rõ phần việc, thời hạn và trách nhiệm thực hiện. Qua đó, nhiệm vụ được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, tạo khí thế thi đua và quyết tâm hoàn thành trong toàn hệ thống.

Sáng tạo từ cơ sở, đồng thuận từ nhân dân

Nếu quyết tâm chính trị là yếu tố định hướng thì những cách làm sáng tạo, linh hoạt ở cơ sở chính là động lực đưa chiến dịch về đích. Thay vì chờ đợi người dân đến cung cấp hồ sơ, nhiều xã, phường chủ động tổ chức lực lượng xuống từng thôn, xóm, tổ dân phố; phối hợp với cán bộ địa chính, trưởng xóm, tổ trưởng dân phố rà soát, đối chiếu thông tin, hướng dẫn người dân bổ sung giấy tờ còn thiếu.

Tại phường Trung Thành, một trong những địa phương có khối lượng công việc lớn, chính quyền đã tập trung huy động lực lượng, phân công nhiệm vụ cụ thể, tăng cường phối hợp giữa cán bộ chuyên môn với các tổ dân phố. Những trường hợp thông tin chưa thống nhất giữa hồ sơ và thực tế được rà soát, xác minh, bổ sung kịp thời.

Với sự chủ động của chính quyền và đồng thuận của nhân dân, đến ngày 25/9/2026, phường Trung Thành đã hoàn thành thu thập, tạo lập và hoàn thiện hồ sơ, dữ liệu đối với 30.077/30.077 thửa đất, đạt 100% khối lượng được giao. Phường hai lần được biểu dương tại các kỳ báo cáo tiến độ chiến dịch.

Không chỉ ở đô thị, tinh thần quyết tâm còn được thể hiện tại các địa bàn miền núi. Tại xã Ba Bể, địa bàn rộng, dân cư phân tán, điều kiện địa hình phức tạp khiến công tác thu thập hồ

sơ đất đai đặt ra nhiều thách thức. Chính quyền địa phương đã phát huy vai trò cán bộ cơ sở, phối hợp với các thôn, bản tuyên truyền, hướng dẫn người dân kê khai, đối chiếu và hoàn thiện thông tin.

Các địa phương khác cũng đã hoàn thành khối lượng được giao, bảo đảm chất lượng dữ liệu, không để khó khăn ở cơ sở trở thành điểm nghẽn của toàn chiến dịch.

Công nghệ số tạo bước đột phá

Cùng với nỗ lực của các địa phương, vai trò tham mưu, điều phối và hỗ trợ chuyên môn của các cơ quan cấp tỉnh là yếu tố quan trọng bảo đảm chiến dịch được triển khai thống nhất, đồng bộ.

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đã chủ động tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường phân giao khối lượng thực hiện cho 92/92 xã, phường; phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Đơn vị đã chủ động, linh hoạt ứng dụng các giải pháp công nghệ để hỗ trợ xử lý khối lượng công việc lớn trong thời gian ngắn.

Trong đó, phần mềm LandIntel tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) được sử dụng như một "bộ lọc dữ liệu thông minh", tự động rà soát dữ liệu từ các bảng Excel và hồ sơ số hóa, phát hiện sai sót về thông tin chủ sử dụng đất, số tờ, số thửa, diện tích, loại đất, số căn cước công dân...

Cùng với đó, công nghệ nhận dạng ký tự quang học (OCR) được ứng dụng để tự động nhận diện nội dung, lựa chọn các trang chứa thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đặt tên và chuẩn hóa hàng loạt hồ sơ scan, phục vụ tích hợp dữ liệu lên hệ thống VBDLIS.

Giải pháp công nghệ này đã được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chia sẻ, triển khai đến các xã, phường ngay từ đầu chiến dịch. Nhờ đó giảm đáng kể thao tác thủ công, tiết kiệm thời gian, nhân lực, nâng cao độ chính xác và tính thống nhất của dữ liệu.

Theo ông Trịnh Văn Toán, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, việc ứng dụng các giải pháp công nghệ đã góp phần giải quyết hiệu quả khối lượng công việc lớn, nhất là trong kiểm tra, phát hiện lỗi dữ liệu và chuẩn hóa hồ sơ số hóa. Đây là giải pháp giúp đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng cập nhật và đồng bộ thông tin.

Kết quả, đến nay Thái Nguyên hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đạt tỷ lệ 99,9%, đứng đầu toàn quốc về tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên hệ thống thông tin quốc gia, về đích sớm 2 tháng so với kế hoạch Trung ương.

Nguồn: baothainguyen.vn

THANH HÓA: ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC QUẢN TRỊ, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Sau hơn 1 năm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, bộ máy chính quyền tỉnh Thanh Hóa cơ bản hoạt động ổn định, thông suốt. Phương thức quản lý, điều hành từng bước đổi mới theo hướng tinh gọn, chủ động, sát cơ sở; công tác phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính

và chuyển đổi số đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Xác định cải cách hành chính là một trong những giải pháp quan trọng nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền, Thanh Hóa đã hoàn thành rà soát 60 thủ tục hành chính đặc thù, qua đó giảm 60% chi phí tuân thủ và rút ngắn 62% thời gian giải quyết. Cơ chế "làn xanh" được áp dụng đối với 44 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, xây dựng và việc làm, góp phần tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Song song với cải cách thủ tục hành chính, tỉnh chú trọng đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng viễn thông, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản lý, điều hành. Trong hơn 1 năm vận hành chính quyền địa phương 2 cấp (từ ngày 01/7/2025 đến tháng 10/2026), trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 1.312.291 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt 99,1%.

Không chỉ nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục tại trụ sở, nhiều địa phương còn chủ động đổi mới cách thức phục vụ thông qua các mô hình như "Dịch vụ công lưu động", "Ngày thứ Bảy không hẹn"... Qua đó, hỗ trợ người dân, nhất là người cao tuổi, người ở xa trung tâm, tiếp cận dịch vụ công thuận tiện hơn.

Với đặc thù địa bàn rộng, dân số đông, địa hình đa dạng, từ miền núi, trung du đến đồng bằng và ven biển, việc vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp có ý nghĩa quan trọng đối với Thanh Hóa. Không chỉ bảo đảm giải quyết công việc hành chính, chính quyền cơ sở còn phải chủ động triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, an sinh xã hội và giữ vững ổn định địa bàn.

Dù khối lượng công việc lớn, tổ chức bộ máy đang tiếp tục được hoàn thiện, 9 tháng năm 2026, kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực. Tổng thu ngân sách Nhà nước tăng 12% so với cùng kỳ, xếp thứ 10 cả nước và dẫn đầu khu vực Bắc Trung bộ. Những kết quả này cho thấy nỗ lực của các cấp, các ngành trong duy trì hoạt động quản lý, điều hành và thực hiện các mục tiêu phát triển trong điều kiện tổ chức bộ máy có nhiều thay đổi.

Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình vận hành vẫn còn những khó khăn cần khắc phục. Khối lượng nhiệm vụ chuyển về cấp xã lớn, trong khi năng lực thực thi, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và điều kiện cơ sở vật chất ở một số địa phương chưa đồng đều. Các lĩnh vực phức tạp như đất đai, đầu tư, xây dựng, tài chính đòi hỏi cán bộ cơ sở phải tiếp tục được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Do đó, tỉnh cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát; quan tâm bố trí cán bộ phù hợp vị trí việc làm, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở.

Vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 2 cấp không chỉ là yêu cầu về tổ chức bộ máy mà còn là nhiệm vụ đổi mới phương thức quản trị, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và năng lực kiến tạo phát triển.

Nguồn: baothanhhoa.vn

NGHỆ AN: ĐƯA DỊCH VỤ CÔNG ĐẾN GẦN DÂN

Đưa cán bộ về tận xóm, đến từng nhà hỗ trợ người cao tuổi, người đi lại khó khăn, xã Hưng Nguyên Nam, tỉnh Nghệ An đang đổi mới phương thức phục vụ, giúp người dân giải quyết thủ tục hành chính thuận tiện hơn.

Đều đặn vào thứ Bảy hằng tuần, thay vì chờ người dân đến trụ sở làm thủ tục hành chính, cán bộ, công chức Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hưng Nguyên Nam có mặt tại nhà văn hóa các xóm để hướng dẫn, giải đáp và hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính.

Không chỉ tổ chức hỗ trợ tại nhà văn hóa xóm, với những trường hợp gặp khó khăn trong đi lại, cán bộ trung tâm còn đến tận nhà để hỗ trợ. Tại xóm Hưng Tân 1, bà Nguyễn Thị Mai do sức khỏe yếu, đi lại khó khăn, được cán bộ trung tâm đến tận nhà hỗ trợ thực hiện thủ tục ủy quyền chuyển tiền qua tài khoản.

Từ tháng 4 đến tháng 9/2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hưng Nguyên Nam triển khai mô hình "Dịch vụ công lưu động" tại 14 lượt xóm, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc cho hàng nghìn lượt người, tiếp nhận và giải quyết gần 900 hồ sơ thuộc các lĩnh vực đất đai, tư pháp-hộ tịch.

Bà Nguyễn Thị Hồng Lê, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hưng Nguyên Nam cho biết, xác định việc đưa dịch vụ công về tận xóm là để người dân được tiếp cận thuận lợi hơn ngay tại nơi mình sinh sống. Trong quá trình thực hiện, cán bộ không chỉ tiếp nhận hồ sơ mà còn trực tiếp hướng dẫn, giải đáp những nội dung người dân còn vướng mắc. Qua đó, chính quyền địa phương mong muốn việc giải quyết thủ tục hành chính ngày càng thuận tiện, thiết thực hơn, lấy sự phục vụ người dân làm trọng tâm.

Cùng với việc đưa dịch vụ công đến gần người dân, trung tâm chú trọng phối hợp với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an và các đơn vị liên quan hoàn thiện các điều kiện phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số. Việc rà soát, hoàn thiện tài khoản người dùng, các chức năng đăng nhập, thanh toán trực tuyến trên hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính được quan tâm thực hiện, góp phần bảo đảm quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thông suốt, ổn định.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Nguyên Nam Nguyễn Thị Tuyết chia sẻ, cải cách hành chính trước hết phải tạo thuận lợi cho người dân. Vì vậy, cùng với nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ tại trung tâm, xã quan tâm tổ chức các hình thức hỗ trợ phù hợp với từng địa bàn, từng đối tượng, nhất là những trường hợp cao tuổi, yếu thế, khó khăn trong đi lại. Việc cán bộ trực tiếp xuống xóm, đến tận nhà không chỉ giúp người dân giải quyết công việc cụ thể mà còn thể hiện tinh thần chủ động, gần dân, sát dân trong thực hiện nhiệm vụ .

Từ nhà văn hóa xóm đến từng mái nhà, những thủ tục hành chính vốn gắn với trụ sở nay được đưa đến gần hơn với người dân bằng cách làm chủ động, linh hoạt. Điều đó cho thấy cải cách hành chính không chỉ là thay đổi quy trình hay ứng dụng công nghệ mà còn là thay đổi cách chính quyền phục vụ.

Đó cũng là cách Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hưng Nguyên Nam đang từng bước đưa tinh thần phục vụ vào thực tiễn, để mỗi thủ tục được giải quyết không chỉ đúng quy định, mà còn thuận tiện, thiết thực và phù hợp hơn với người dân.

Nguồn: nhandan.vn

AN GIANG TÌM SÁNG KIẾN THIẾT THỰC, THÚC ĐẨY CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Theo thể lệ Hội thi "Tìm kiếm sáng kiến, giải pháp cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2026", An Giang chọn tối đa 30 đề án vào vòng chung kết, tập trung tìm kiếm những giải pháp giúp đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian và giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Vòng chung kết diễn ra từ ngày 02 - 15/11, kết quả dự kiến công bố trong tháng 12/2026.

Theo Kế hoạch số 296/KH-UBND của UBND tỉnh An Giang và thể lệ hội thi, các đề án vượt qua vòng sơ khảo sẽ được lựa chọn vào vòng chung kết, thực hiện thuyết trình và bảo vệ sáng kiến trước Ban Giám khảo.

Điểm đáng chú ý, hội thi không chỉ tìm kiếm ý tưởng mới mà còn lựa chọn những giải pháp có tính khả thi, có thể áp dụng trong thực tiễn để nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính và chất lượng phục vụ người dân. Các sáng kiến dự thi tập trung vào việc đơn giản hóa, loại bỏ hoặc đề xuất sửa đổi những thủ tục hành chính chồng chéo, không còn phù hợp, gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân.

Bên cạnh đó là giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công; ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Theo thể lệ, đề án phải làm rõ thực trạng trước khi áp dụng sáng kiến, điểm mới của giải pháp, phương án triển khai và hiệu quả mang lại. Những sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả hoặc có tính khả thi đều thuộc diện được xem xét.

Đối tượng tham gia gồm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh cùng cá nhân, doanh nghiệp có sáng kiến cải cách hành chính, trừ các thành viên tham gia tổ chức, chấm thi theo quy định.

Tại vòng chung kết, tác giả hoặc nhóm tác giả trình bày đề án bằng hình thức trình chiếu, trả lời câu hỏi của Ban Giám khảo. Mỗi phần thuyết trình tối đa 15 phút. Điểm chung cuộc được xác định trên cơ sở kết quả của cả vòng sơ khảo và chung kết.

Cơ cấu giải thưởng gồm 6 giải tập thể và 16 giải cá nhân. Trong đó, giải nhất tập thể trị giá 15 triệu đồng, giải nhất cá nhân 9 triệu đồng, kèm Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đặc biệt, thể lệ quy định những đề án có tính khả thi cao sẽ tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

Nguồn: baochinhphu.vn

CÀ MAU ĐỨNG THỨ 2 ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN

Chiều ngày 11/11/2026, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Nguyễn Minh Luân chủ trì hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến với các xã, phường nhằm phân tích, đánh giá chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; đồng thời triển khai kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2027.

Theo báo cáo tại hội nghị, năm 2025, Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của Cà Mau đạt 89,85%, xếp thứ 20/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 0,52% so với năm 2024 và giữ nguyên thứ hạng. Trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Cà Mau đứng thứ 2.

Trong 8 chỉ số thành phần được đánh giá, có 5 chỉ số tăng điểm và cải thiện thứ hạng. Nổi bật là cải cách chế độ công vụ tăng 9,32%; cải cách tài chính công tăng 3,12%; cải cách thể chế tăng 0,41%. Lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số tiếp tục là điểm sáng khi xếp thứ 2/34 tỉnh, thành phố cả nước.

Đối với Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Cà Mau đạt 83,27%, xếp thứ 20/34 tỉnh, thành phố, giảm 3,15% và giảm 8 bậc so với năm trước. Trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Cà Mau tiếp tục xếp thứ 2.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hội nghị cũng chỉ ra các hạn chế cần tập trung khắc phục, nhất là trong công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy và cải cách thủ tục hành chính. Việc công khai thủ tục hành chính, tỷ lệ số hóa hồ sơ chưa đạt yêu cầu; vẫn còn tình trạng giải quyết hồ sơ trễ hạn, nhất là trong lĩnh vực đất đai.

Trên cơ sở phân tích kết quả và nguyên nhân, hội nghị xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 2027 là rà soát toàn diện các tiêu chí chưa đạt, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị để có giải pháp khắc phục cụ thể.

Trong đó, tập trung chấn chỉnh tình trạng giải quyết thủ tục hành chính trễ hạn; nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa; thực hiện đầy đủ việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành. Cùng với đó, nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ giao tiếp và chất lượng hướng dẫn, giải quyết công việc của đội ngũ cán bộ, công chức; cải thiện quy trình, thủ tục trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh.

Phát biểu tại hội nghị, ông Nguyễn Phương Lam, Giám đốc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long, đánh giá cao kết quả các chỉ số PAR INDEX, SIPAS của tỉnh Cà Mau; đồng thời nhấn mạnh vai trò quan trọng của cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trong tháo gỡ điểm nghẽn, thu hút đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Theo ông Nguyễn Phương Lam, đối với doanh nghiệp, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài, thủ tục hành chính thông thoáng, minh bạch là yếu tố quan trọng trong quyết định đầu tư và mở rộng sản xuất, kinh doanh.

Phát biểu kết luận hội nghị, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Nguyễn Minh Luân nhấn mạnh, cải thiện các chỉ số PAR INDEX và SIPAS có ý nghĩa quan trọng đối với mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số của tỉnh.

Để tạo chuyển biến thực chất, ông Nguyễn Minh Luân yêu cầu các sở, ngành, địa phương đổi mới tư duy, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, xử lý dứt điểm hồ sơ trễ hạn.

Đồng thời, chuẩn hóa, kết nối dữ liệu dùng chung, hạn chế yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), nâng cao chất lượng cán bộ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương công vụ và kiên quyết xử lý tình trạng gây phiền hà, nhũng nhiễu.

Nguồn: baochinhphu.vn

SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ: GÓC NHÌN HIỆU QUẢ TỪ QUẢN TRỊ CÔNG

Quá trình đổi mới, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đang được thực hiện quyết liệt, phản ánh quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong việc tiếp tục "xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước"[1]. Để việc sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị thật sự hiệu quả, chúng ta cần triển khai đồng bộ với đổi mới mô hình quản trị công hiện đại.

Cấu trúc lại bộ máy của hệ thống chính trị là nền tảng cho quản trị công hiện đại

Hiện nay, trên thế giới, đa số các nhà nước đều hoạt động dựa trên mô hình quyền lực hợp pháp và duy lý; dựa trên hệ thống quy tắc và luật pháp, bộ máy nhà nước được tổ chức phân cấp rõ các quyền hạn và trách nhiệm. Để tránh tình trạng quan liêu, thiếu linh hoạt, việc điều chỉnh thường xuyên và cấu trúc lại bộ máy nhà nước trở thành đặc trưng của nhà nước hiện đại. Cuối những năm 1970 của thế kỷ trước, các nước phương Tây tiến hành cải cách bộ máy nhà nước nhằm phục hồi kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Giai đoạn đầu, với chủ nghĩa tư tưởng tân tự do, thông qua các dự án cắt giảm chi tiêu công, tinh giản bộ máy hành chính, tư nhân hóa và thúc đẩy hoạt động khu vực công theo cơ chế thị trường, Anh và Mỹ là những quốc gia tiên phong tái cấu trúc bộ máy nhà nước theo phương thức quản lý công mới.

Thực tiễn cho thấy, chuyển đổi sang mô hình quản trị công đòi hỏi phải cấu trúc lại các hình thức quản lý dựa trên phân cấp hành chính truyền thống sang các hình thức quản trị theo mạng lưới, từ các hình thức quy định cứng nhắc sang các phương thức điều tiết linh hoạt, nhấn mạnh sự tham gia, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các bên liên quan. Từ những nguyên tắc trên, nhiều hình thức quản trị khác nhau được đề xuất, đáp ứng các thách thức mới trong quản lý kinh tế, xã hội như quản trị công tốt, quản trị mạng lưới, quản trị vùng, quản trị tổng thể, hợp tác công tư (PPP)… Xu hướng này tiếp tục phát triển để theo kịp sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học và công nghệ thông qua các hình thức chính phủ điện tử, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số cho hoạt động của bộ máy nhà nước.

Cải cách và đổi mới hoạt động của bộ máy nhà nước thông qua xu hướng quản trị công ngày càng được quan tâm. Những năm 1990, ở châu Á, quản trị công gắn liền với các "giá trị châu Á", thay vì áp dụng mô hình theo quy chuẩn phương Tây, các nước công nghiệp mới như Hàn Quốc, Trung Quốc và Singapore thường kết hợp giữa một số khía cạnh quản trị công đã được đúc kết ở các nước phát triển với bối cảnh quốc gia, ưu tiên hiệu suất chính phủ và ổn định chính trị. Điều này cho thấy, không có phương thức và mô hình cấu trúc lại bộ máy nhà nước gắn với quản trị công duy nhất, phù hợp cho tất cả mà phụ thuộc bối cảnh lịch sử, chính trị, kinh tế và văn hóa của mỗi quốc gia.

Cấu trúc lại bộ máy nhà nước và quản trị công có mối quan hệ mật thiết. Cấu trúc lại bộ máy nhà nước tập trung vào hoạt động bên trong hệ thống quản lý công, quản trị công, quan

tâm đến các tương tác bên trong bộ máy và giữa nhà nước với thị trường và xã hội. Nghĩa là, quản trị công nhấn mạnh sự hợp tác và tham gia của các bên liên quan như nhà nước, thị trường và xã hội để cùng giải quyết các vấn đề phức tạp mà bản thân nhà nước không thể làm tốt nếu xử lý độc lập. Mặc dù, có nhiều cách tiếp cận khác nhau như lấy thị trường, nhà nước, xã hội hoặc công nghệ làm trọng tâm, nhưng nhìn chung các mô hình và hình thức chuyển đổi từ quản lý nhà nước sang quản trị công đều nhấn mạnh vai trò trung tâm của bộ máy nhà nước. Việc cấu trúc lại bộ máy nhà nước là công việc quan trọng, được xem là "chìa khoá vàng" để xây dựng mô hình quản trị nhà nước hiện đại theo hướng hiệu quả, minh bạch, giúp chính phủ tăng khả năng thích nghi trước các thách thức kinh tế, xã hội, công nghệ.

Bài học có thể vận dụng cho Việt Nam

Cải cách bộ máy của hệ thống chính trị luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và Nhà nước, thông qua các chủ trương, chính sách quan trọng, như Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 24/12/2018, của Bộ Chính trị, "Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã"… Gần đây, việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được Đảng chỉ đạo tập trung quyết liệt với mong muốn nhanh chóng nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy theo hướng quản trị quốc gia hiện đại trong kỷ nguyên vươn mình phát triển của dân tộc, cụ thể như Kết luận số 121-KL/TW, ngày 24/01/2025, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, "Về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; Kết luận số 126-KL/TW, ngày 14/2/2025, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, "Về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025"; Kết luận số 127-KL/TW, ngày 28/2/2025, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, "Về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị" và Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025, của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Các nghị quyết này được xem là khung định hướng để Quốc hội và Chính phủ thể chế hóa, triển khai sắp xếp tổ chức, hoàn thiện bộ máy của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, Đảng cũng quan tâm đến mối quan hệ giữa việc sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản trị quốc gia. Về mặt thực tiễn, nước ta đã và đang có những nền tảng để phát triển quản trị công theo hướng hiện đại: (i) công tác phân cấp, phân quyền đạt tiến bộ nhất định, đặc biệt là việc giao quyền và tăng cường trách nhiệm, tính chủ động và sáng tạo cho địa phương; (ii) xã hội hóa các dịch vụ công giúp huy động được các nguồn lực xã hội, góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, giúp nâng cao chất lượng dịch vụ; (iii) hợp tác công tư (PPP) đã và đang được triển khai trong nhiều lĩnh vực, mang lại kết quả tích cực trong thu hút nguồn vốn từ khu vực tư nhân, nâng cao hiệu quả, tối ưu hóa chi phí và chia sẻ rủi ro trong quá trình quản lý, vận hành các dự án. Khảo luận kinh nghiệm chuyển đổi sang quản trị công của một số quốc gia giúp

cung cấp những bài học phù hợp nhằm phát huy hiệu quả công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

Thứ nhất, đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cần hướng đến các mô hình quản trị công theo hướng hiện đại. Khi bộ máy nhà nước được cấu trúc lại theo hướng tinh gọn, gắn với phân cấp, phân quyền, giảm hệ thống cấp bậc hành chính sẽ tạo điều kiện, khuyến khích thị trường và xã hội cùng tham gia giải quyết các vấn đề công, thúc đẩy các hoạt động quản trị công phát triển, gắn với việc tương tác giữa nhà nước và các tác nhân bên ngoài, nhấn mạnh tính chất quản lý "từ xa" của nhà nước. Thay vì can thiệp trực tiếp, nhà nước sẽ quản lý gián tiếp thông qua quản trị tổng thể. Phương thức này gắn với quan điểm "nhà nước điều tiết" thay vì "nhà nước vận hành", nhà nước "lèo lái" thay vì "chèo chống", tập trung vào thiết lập luật chơi và giám sát thay vì trực tiếp cung cấp dịch vụ công[2]. Tuy nhiên, nhà nước cần có chính sách điều tiết hợp lý, vận dụng vào đúng hoàn cảnh của đất nước mình để không dẫn đến tình trạng thiếu kiểm soát, bất bình đẳng xã hội và độc quyền.

Thứ hai, chú trọng mối quan hệ chặt chẽ giữa việc cơ cấu lại bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng quản trị công gắn với phát triển không gian kinh tế và xã hội. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, sự thay đổi về không gian kinh tế sẽ làm thay đổi mô hình quản trị nhà nước và ngược lại[3]. Sự nổi lên của các mô hình chính quyền đô thị ở Mỹ và Anh, vùng đô thị ở các nước châu Âu, liên kết vùng ở Trung Quốc trong hơn 20 năm qua, nhằm cấu trúc lại nền kinh tế trong bối cảnh cạnh tranh khu vực và toàn cầu hóa là minh chứng cho nhận định này. Gắn với quá trình chuyển đổi không gian kinh tế là các mô hình hợp nhất chính quyền vùng, hợp tác liên chính quyền địa phương, quản trị vùng theo chức năng… dẫn đến điều phối hiệu quả giữa bộ máy nhà nước trung ương và địa phương theo cơ chế hợp tác linh hoạt phù hợp với bối cảnh đa dạng của địa phương. Ở nước ta, việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp không chỉ giới hạn ở việc thay đổi địa giới, mà sẽ gắn với việc tổ chức lại không gian kinh tế, phân cấp quản lý và phân bổ, kết hợp các nguồn lực kinh tế để đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ ba, định hình và khẳng định bản sắc cho quá trình từ cấu trúc lại bộ máy của hệ thống chính trị đến hoàn thiện mô hình quản trị nhà nước. Chuyển đổi sang quản trị công không chỉ là quá trình vật chất (thể chế hoá và không gian) mà là một quá trình mang tính xã hội và tư tưởng [4]. Kinh nghiệm từ nhiều quốc gia cho thấy, quá trình cấu trúc lại bộ máy nhà nước gắn với quản trị công có hiệu quả luôn gắn liền với hệ tư tưởng kinh tế - chính trị cụ thể. Hiện nay, việc đổi mới, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở nước ta được xem như một trong những chiến lược nền tảng để hiện thực hóa kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Đây là ý tưởng, nội hàm quan trọng thể hiện tính đặc trưng, quyết định bản sắc, định hình con đường và huy động sự đồng thuận của mọi tầng lớp nhân dân đối với cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy nhà nước.

Tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị bước vào kỷ nguyên phát triển mới

Thực tiễn và lý luận về quản trị công đều khẳng định, cấu trúc lại bộ máy của hệ thống chính trị là điều kiện quan trọng trong quá trình chuyển đổi mô hình quản lý hành chính truyền thống sang quản trị công hiện đại. Nếu không gắn với định hướng quản trị công, việc

sắp xếp, tinh gọn bộ máy chỉ đơn thuần là cắt giảm các bộ phận mà không tối ưu hoá được hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị. Do đó, bên cạnh việc thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước cũng cần tiếp thu có chọn lọc các bài học kinh nghiệm quốc tế về quản trị công thành những giải pháp phù hợp với điều kiện của nước ta, phát huy tối đa hiệu quả cuộc cách mạng, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Một là, bộ máy nhà nước sau khi được sắp xếp, tinh gọn phải trở thành hạt nhân của các phương thức quản trị quốc gia hiện đại. Hệ thống nhà nước được cấu trúc lại theo hướng phù hợp với mô hình quản trị đa trung tâm, khuyến khích khu vực tư và đa dạng các thành phần xã hội có thể tham gia vào việc giải quyết một số vấn đề công như những đối tác với các cơ quan nhà nước. Theo đó, nên chú trọng vào hợp tác giữa các bên liên quan để bảo đảm hiệu suất cao, tập trung vào sự đồng thuận, tăng cường trách nhiệm và kiểm soát chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, chống tham nhũng hiệu quả. Mô hình này có thể áp dụng mô hình quản trị tốt với các nguyên tắc trụ cột bao gồm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, hiệu quả và hiệu suất, sự tham gia của người dân, công bằng, hòa nhập và thượng tôn pháp luật.

Hai là, hệ thống thể chế phù hợp. Công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế cần kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi trong triển khai thực hiện công tác tinh gọn bộ máy, kết hợp hài hoà với mô hình quản trị quốc gia hiện đại, tránh để "xếp hàng xong mới chạy". Trọng tâm là các thể chế cho phép phân quyền, chia sẻ trách nhiệm và công nhận vai trò của các đối tác ngoài nhà nước, cơ chế thương lượng, đồng thuận và trách nhiệm giải trình giữa các bên. Môi trường thể chế mới cần bảo đảm các quy tắc và chuẩn mực không chỉ để duy trì trật tự mà còn là thúc đẩy sự hợp tác, giảm bất định, thích ứng với sự thay đổi trong một hệ thống quản trị ngày càng phức tạp.

Ba là, tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị phải đi đôi với việc tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả của chính phủ số, ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ vào quản trị công. Điều này có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của chiến lược tinh gọn bộ máy, bởi vì chúng giúp duy trì kết nối và xử lý thông tin bên trong bộ máy, giữa nhà nước với người dân và doanh nghiệp, thay thế cho các bộ phận trung gian đã được tinh gọn. Hơn nữa, các giải pháp ứng dụng công nghệ không chỉ giúp quản trị hiệu quả mà còn có thể chuyển đổi toàn diện phương thức trị quốc gia trong dài hạn và tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Muốn thành công, cần đầu tư một cách đồng bộ vào hạ tầng số và nâng cao khả năng tiếp cận số của cán bộ và người dân.

Bốn là, việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, xã theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp là cơ hội để phát triển thực chất và có hiệu quả mô hình vùng đô thị, vốn bị giới hạn bởi ranh giới hành chính địa phương bị đánh giá là manh mún và phân mảnh trước đây. Phát triển không gian kinh tế và xã hội trong điều kiện mới cần bảo đảm kết nối thông qua hệ thống giao thông hiện đại, tiện lợi, điều chỉnh quy hoạch đồng bộ, xây dựng các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị theo các mô hình phù hợp như định hướng giao thông công cộng (TOD), đô thị tuyến tính, đô thị thông minh… Các mô hình phát triển không gian này đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn cần phải huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác nhau để tham gia thông qua các mô hình hợp tác công tư (PPP). Tất cả những điều này

dẫn đến một yêu cầu chung là sự cần thiết phải có các mô hình quản trị địa phương và đô thị mang tính tổng hợp. Chính quyền cấp tỉnh đóng vai trò như một "nhạc trưởng" để chỉ huy một cách linh hoạt và hài hòa các mô hình quản trị đa dạng ở cấp cơ sở, các dự án hợp tác công tư, dự án xã hội hóa, các dự án mang quy mô quốc gia và cấp vùng. Để làm được điều này, cần có cơ chế hợp tác linh hoạt giữa các cấp chính quyền, xác định rõ vai trò giữa chính quyền trung ương, tỉnh và cấp cơ sở. Đặc biệt là cần trao quyền nhiều hơn cho chính quyền cấp địa phương, thúc đẩy cạnh tranh một cách lành mạnh và quản trị dựa vào tính đặc thù và thế mạnh của địa phương.

Năm là, cần phát huy hiệu quả cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy nhà nước gắn với phát triển mô hình quản trị quốc gia hiện đại, coi đây như một trong những nền tảng quan trọng của kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, khởi đầu từ Đại hội lần thứ XIV của Đảng. Việc thống nhất nhận thức và quan điểm như vậy sẽ giúp cho quá trình chỉ đạo, điều hành và thực hiện sẽ có sự tham chiếu đầy đủ hơn, gắn chặt với mục tiêu tổng quát hơn trong việc xây dựng một quan điểm toàn diện, gắn kết giữa cải cách bộ máy với đổi mới phương thức quản trị, bảo đảm tính thống nhất trong hành động, tránh tư duy cục bộ hoặc triển khai một cách rời rạc. Hơn nữa, nếu không có sự chỉ đạo đồng bộ và chặt chẽ, quá trình cải cách có thể gặp tình trạng bàn lùi, làm nửa vời hoặc thiếu quyết tâm dẫn đến tình trạng "trên nóng, dưới lạnh".

Sáu là, luận bàn rõ hơn bản sắc của bộ máy nhà nước sau khi cấu trúc lại gắn với quan điểm quản trị hiện đại như thế nào. Trọng tâm là nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng, nội hàm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong mô hình quản trị quốc gia hiện đại, các định hướng trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, quản lý của Chính phủ và bảo đảm ổn định chính trị để đạt được mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững. Các bản sắc này phải được cụ thể hoá trong một hệ thống thể chế hài hoà, phù hợp và linh hoạt để thích ứng với thay đổi.

Tiến sĩ Nguyễn Minh Đỗi - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Nguồn: tapchicongsan.org.vn

---

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, Hà Nội, t. I, tr. 118

(2) Renate Mayntz: Soziale Dynamik und politische Steuerung: Theoretische und methodologische Überlegungen (Tạm dịch: Động lực xã hội và quản trị chính trị: Những cân nhắc về mặt lý thuyết và phương pháp luận), Nxb. Campus, 1997; RAW Rhodes: Understanding governance: Policy networks, governance, reflexivity and accountability (Tạm dịch: Hiểu về quản trị: Mạng lưới chính sách, quản trị, phản xạ và trách nhiệm giải trình), Nxb. Open University, 1997

(3) Neil Brenner: New state spaces: Urban governance and the rescaling of statehood (Tạm dịch: Không gian nhà nước mới: Quản trị đô thị và việc định hình lại nhà nước), Nxb. Oxford University, 2004; David Harvey: From managerialism to entrepreneurialism: The

transformation in urban governance in late capitalism (Tạm dịch: Từ chủ nghĩa quản lý đến chủ nghĩa kinh doanh: Sự chuyển đổi trong quản trị đô thị ở giai đoạn muộn của chủ nghĩa tư bản), Geografiska Annaler: Series B, Human Geography, 71(1), 1989, tr. 3-17; Bob Jessop: Territory, politics, governance and multispatial metagovernance (Tạm dịch: Lãnh thổ, chính trị, quản trị và siêu quản trị đa không gian), Territory, politics, governance, 4(1), 2016, tr. 8 - 32

(4) Michael Haus: Transformation des Regierens und Herausforderungen der Institutionenpolitik (Tạm dịch: Chuyển đổi quản trị và những thách thức của thể chế chính trị), Nxb. Nomos Verlagsgesellschaft, 2010; Bob Jessop và Ngai-Ling Sum: Towards a cultural political economy: Putting culture in its place in political economy (Tạm dịch: Hướng tới một nền kinh tế chính trị văn hóa: Đặt văn hóa vào đúng vị trí của nó trong nền kinh tế chính trị), Nxb. Edward Elgar, 2013

QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH THỂ CHẾ ĐANG TẠO RA NHỮNG ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG MỚI CHO NỀN KINH TẾ

Tại Kỳ họp thứ Hai, Quốc hội khoá XVI, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027.

Nghị quyết nhấn mạnh: Năm 2027 là năm tăng tốc, bứt phá, tạo đà, tạo thế, tạo lực để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Tập trung quyết liệt phấn đấu tăng trưởng kinh tế từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; lấy hiệu quả thực chất, năng suất và đời sống Nhân dân làm thước đo.

Bên lề hành lang Quốc hội, đại biểu Lê Trung Thành - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang, Ủy viên chuyên trách Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã có những chia sẻ về vấn đề này.

Những động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế

Phóng viên: Quốc hội đã thông qua nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 với mục tiêu tăng trưởng ít nhất 10%. Theo đại biểu, những mục tiêu xã hội nào cần được đặt song hành với mục tiêu tăng trưởng này?

Đại biểu Lê Trung Thành: Tôi đánh giá rất cao các mục tiêu và giải pháp được Chính phủ đề ra trong Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 trình Quốc hội. Đây là một kế hoạch vừa thể hiện khát vọng phát triển, vừa có tính khả thi cao, được xây dựng trên nền tảng những thành tựu kinh tế mà Việt Nam đã đạt được trong thời gian qua cũng như tiềm năng phát triển mạnh mẽ của đất nước.

Quá trình cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển kết cấu hạ tầng và thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đang tạo ra những động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế.

Một trong những cơ sở quan trọng cho nhận định này là những kết quả tích cực của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2026. Tốc độ tăng trưởng GDP đạt 9,01% trong 9 tháng đầu năm; tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 15,1%; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 30,4%. Cùng với đó, quá trình cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển kết cấu hạ tầng và thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đang tạo ra những động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế.

Tuy nhiên, tôi cho rằng tăng trưởng kinh tế không nên chỉ được đo lường bằng các con số GDP. Điều quan trọng hơn là thành quả tăng trưởng phải chuyển hóa thành những cải thiện thiết thực trong chất lượng cuộc sống của người dân. Vì vậy, bên cạnh mục tiêu tăng trưởng GDP ít nhất 10%, theo tôi, cần đặc biệt quan tâm đến ba mục tiêu xã hội trọng tâm.

Thứ nhất, tạo thêm nhiều việc làm có chất lượng, cải thiện thu nhập và năng suất lao động, đặc biệt trong các ngành công nghiệp và dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

Thứ hai, phát triển các dịch vụ xã hội thiết yếu, nhất là giáo dục, y tế, nhà ở và an sinh xã hội, bảo đảm mọi người dân, đặc biệt là người lao động có thu nhập thấp và các nhóm yếu thế, đều có cơ hội thụ hưởng thành quả phát triển kinh tế.

Thứ ba, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền, giữa khu vực đô thị và nông thôn; đồng thời gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và cải thiện điều kiện sống.

Tôi tin tưởng rằng, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, sự ủng hộ và giám sát của Quốc hội cùng sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, những mục tiêu này hoàn toàn có thể được thực hiện đồng thời.

Cơ hội cải thiện đời sống người dân

Phóng viên: Theo đại biểu, người dân, đặc biệt là người lao động và giới trẻ, sẽ cảm nhận được những lợi ích thiết thực nào từ Nghị quyết, xét trên các phương diện việc làm, thu nhập và khả năng tiếp cận nhà ở?

Đại biểu Lê Trung Thành: Tôi cho rằng Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 mở ra những cơ hội quan trọng để cải thiện đời sống người dân một cách thiết thực, đặc biệt là đối với người lao động và giới trẻ.

Trước hết, mục tiêu tăng trưởng GDP ít nhất 10%, cùng với việc phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ hiện đại, kinh tế số và công nghiệp công nghệ cao, được kỳ vọng sẽ tạo thêm nhiều việc làm, mở rộng cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Đặc biệt, việc đặt khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển kinh tế sẽ góp phần hình thành những ngành nghề mới, tạo thêm cơ hội để người trẻ làm việc trong các lĩnh vực có năng suất và giá trị gia tăng cao hơn.

Tuy nhiên, để bảo đảm người dân thực sự được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế, theo tôi, cần tập trung vào ba ưu tiên.

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với nâng cao năng suất lao động và thu nhập thực tế của người dân. Mục tiêu tăng năng suất lao động 8,6% trong năm 2027 là cơ sở quan trọng để cải thiện thu nhập cho người lao động. Đồng thời, cần chú trọng hơn nữa đến giáo dục, đào tạo nghề và đào tạo lại kỹ năng, giúp người lao động thích ứng với những thay đổi về công nghệ, đặc biệt là việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo ngày càng rộng rãi.

Thứ hai, cần tạo điều kiện thuận lợi hơn để giới trẻ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi phải tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện tiếp cận tốt hơn với nguồn vốn, công nghệ và thị trường, qua đó giúp người trẻ phát huy tiềm năng sáng tạo và đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

Thứ ba, cần cải thiện khả năng tiếp cận nhà ở có giá cả phù hợp, đặc biệt đối với người lao động và các gia đình trẻ. Bên cạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở cho thuê với mức giá hợp lý, cần quan tâm đến quy hoạch đô thị, giao thông công cộng, trường học, bệnh viện và các công trình thiết yếu khác. Những giải pháp này sẽ góp phần tạo dựng điều kiện sống tốt hơn, đồng thời giảm bớt chi phí sinh hoạt cho các hộ gia đình.

Tôi tin rằng khi các mục tiêu và giải pháp của Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 được triển khai hiệu quả, người dân sẽ cảm nhận được thành quả tăng trưởng kinh tế không chỉ qua những số liệu thống kê mà còn thông qua những thay đổi cụ thể trong cuộc sống hằng ngày: Cơ hội việc làm tốt hơn, thu nhập cao hơn, nhà ở có giá cả phù hợp hơn và khả năng tiếp cận các dịch vụ công thiết yếu được cải thiện.

Tạo đột phá thực chất về khoa học, công nghệ

Phóng viên: Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 đặt khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào vị trí trung tâm của tăng trưởng, phù hợp với tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW *của Bộ Chính trị. Theo đại biểu, Việt Nam cần làm gì để bảo đảm quá trình tăng trưởng nhanh dựa trên công nghệ không phải đánh đổi bằng môi trường?*

Đại biểu Lê Trung Thành: Tôi cho rằng việc đặt khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào vị trí trung tâm trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 của Việt Nam là một định hướng đúng đắn, có tầm nhìn dài hạn và hoàn toàn phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Điều quan trọng là khoa học và công nghệ không chỉ đóng vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh hơn mà còn là công cụ thiết yếu để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và bảo vệ môi trường.

Tăng trưởng dựa trên công nghệ cần được hiểu là nâng cao năng suất, sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn và giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường. Để thực hiện mục tiêu này, theo tôi, Việt Nam cần tập trung vào ba ưu tiên lớn.

Thứ nhất, đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ trong các lĩnh vực then chốt, đặc biệt là sản xuất công nghiệp, xây dựng, năng lượng, giao thông vận tải và nông nghiệp. Cần ưu tiên những công nghệ tiên tiến giúp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và nguyên vật liệu, giảm phát thải và thúc đẩy khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

Ví dụ, trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng, việc phát triển xi măng phát thải carbon thấp, vật liệu xây dựng tái chế, công trình xanh và công nghệ xây dựng tiết kiệm năng lượng có thể tạo ra giá trị kinh tế mới, đồng thời góp phần giảm phát thải khí nhà kính.

Thứ hai, cần thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn thông qua khuyến khích tái chế, tái sử dụng chất thải, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Bên cạnh đó, cần tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các hệ thống giám sát thông minh trong quan trắc môi trường, cảnh báo sớm và kiểm soát ô nhiễm.

Thứ ba, cần tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các cơ chế khuyến khích nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ xanh, công nghệ sạch. Doanh nghiệp cần được tạo điều kiện tiếp cận tốt hơn với các nguồn lực khoa học và công nghệ, đặc biệt thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của chính doanh nghiệp, để hiện đại hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất và tăng cường bảo vệ môi trường.

Tôi tin rằng những định hướng này sẽ giúp Việt Nam đồng thời theo đuổi được hai mục tiêu quan trọng: Đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và cải thiện chất lượng môi trường.

Xây dựng những nền tảng cho quá trình tăng trưởng nhanh, ổn định

Phóng viên: Với những thay đổi mang tính đột phá, đại biểu có kỳ vọng kế hoạch này sẽ đưa Việt Nam tiến gần hơn như thế nào tới mục tiêu trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045?

Đại biểu Lê Trung Thành: Tôi cho rằng Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 là một bước đi quan trọng trên con đường đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045.

Năm 2027 là năm thứ hai triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2026 - 2030. Đây cũng là giai đoạn có ý nghĩa then chốt để tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong mô hình tăng trưởng, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Theo tôi, mục tiêu tăng trưởng GDP ít nhất 10% là thách thức lớn nhưng có thể đạt được. Mục tiêu này có cơ sở từ kết quả tăng trưởng kinh tế tích cực trong năm 2026, cùng với những động lực tăng trưởng mới đến từ cải cách thể chế, phát triển kết cấu hạ tầng, mở rộng khu vực kinh tế tư nhân, thu hút đầu tư và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2045, điều quan trọng không chỉ là duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong một hoặc hai năm, quan trọng hơn, Việt Nam phải xây dựng được những nền tảng cho quá trình tăng trưởng nhanh, ổn định và bền vững trong nhiều thập niên tới.

Về vấn đề này, tôi cho rằng Kế hoạch năm 2027 cần tạo ra những chuyển biến thực chất trong ba lĩnh vực trọng tâm.

Thứ nhất, tạo bước chuyển căn bản trong mô hình tăng trưởng. Việt Nam cần từng bước giảm sự phụ thuộc vào tích lũy vốn, khai thác tài nguyên thiên nhiên và lao động giá rẻ; đồng thời nâng cao đóng góp của năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với tăng trưởng kinh tế.

Thứ hai, tăng cường năng lực nội tại, khả năng chống chịu và tính tự chủ của nền kinh tế. Điều này có nghĩa là phát triển các doanh nghiệp Việt Nam có năng lực công nghệ vững mạnh và khả năng cạnh tranh quốc tế; thúc đẩy các ngành công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp nền tảng; từng bước làm chủ các công nghệ chiến lược và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đây vừa là những điều kiện thiết yếu để duy trì tăng trưởng kinh tế trong dài hạn, vừa là những mục tiêu cơ bản của quá trình phát triển đất nước.

Tôi tin tưởng rằng, với những chính sách lớn và các cải cách chiến lược đang được triển khai, đặc biệt là những đột phá về thể chế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tư nhân, Việt Nam có những điều kiện thuận lợi để triển khai thành công Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 và hướng đến mục tiêu trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045.

Nguồn: vietnamplus.vn

KẾT NỐI DỮ LIỆU, THÁO GỠ ĐIỂM NGHẼN TRONG THAM MƯU NỘI CHÍNH

Chuyển đổi số trong nội chính đang hướng tới tạo khả năng kết nối, cập nhật và khai thác dữ liệu để nắm tình hình, theo dõi tiến độ, phát hiện vấn đề và tham mưu cấp ủy để kịp thời xử lý, giải quyết.

Từ liên thông dữ liệu án giữa các cơ quan tiến hành tố tụng tại Thành phố Hồ Chí Minh đến ứng dụng nền tảng số trong tiếp công dân, xử lý đơn thư tại Hà Nội, chuyển đổi số đang làm thay đổi phương thức tham mưu của các Ban Nội chính Thành ủy.

Việc đổi mới hướng tới chuyển từ quản lý thông tin phân tán, tổng hợp thủ công sang kết nối dữ liệu, theo dõi tiến độ, chủ động phát hiện vấn đề cần tập trung chỉ đạo, giải quyết.

Từ yêu cầu thực tiễn đến đổi mới phương thức tham mưu

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, công tác phối hợp giữa Ban Nội chính Thành ủy - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực Thành phố với Công an, Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân đã đi vào nền nếp. Các đơn vị duy trì chế độ thông tin, báo cáo định kỳ về tiến độ giải quyết các vụ án thuộc diện theo dõi, chỉ đạo; khi phát sinh khó khăn, vướng mắc, Ban Nội chính Thành ủy chủ trì họp liên ngành hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Tuy nhiên, các vụ án thuộc diện theo dõi thường có quy mô lớn, phức tạp, liên quan nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, trải qua nhiều giai đoạn tố tụng. Trong khi đó, việc cập nhật, thống kê và đối chiếu thông tin giữa các cơ quan chưa kịp thời, thiếu đồng bộ; phương thức báo cáo bằng văn bản giấy không còn đáp ứng yêu cầu nắm bắt tiến độ, kết quả giải quyết để tham mưu chỉ đạo.

Trước thực tế này, Ban Nội chính Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đặt vấn đề xây dựng cơ chế liên thông dữ liệu với các cơ quan tiến hành tố tụng, tạo công cụ theo dõi thống nhất đối với các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo theo dõi.

Tại Hà Nội, áp lực đổi mới xuất phát từ khối lượng lớn công việc tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trong 9 tháng của năm 2026, thành phố đã tiếp 49.585 lượt/59.229 công dân; phát sinh 36.590 vụ việc; tiếp 557 đoàn đông người/5.106 công dân. Tổng số đơn phải xử lý là 58.132 đơn, trong đó đã xử lý 54.839 đơn.

Đáng chú ý, nhiều vụ việc liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, kéo dài qua nhiều thời kỳ, liên quan nhiều cơ quan, nhiều cấp. Hồ sơ, tài liệu phân tán, quá trình xử lý qua nhiều bước khiến việc nắm tình hình, theo dõi trách nhiệm và đôn đốc giải quyết đòi hỏi phương thức quản lý phù hợp hơn.

Dù khác nhau về lĩnh vực nghiệp vụ, song cả hai địa phương đều hướng tới khắc phục tình trạng thông tin phân tán, chậm cập nhật; đưa dữ liệu trở thành công cụ trực tiếp phục vụ công tác tổng hợp, theo dõi, đôn đốc và tham mưu cấp ủy chỉ đạo giải quyết công việc.

Kết nối dữ liệu, theo dõi tiến độ, chủ động tham mưu

Tháng 12/2025, khi được Thanh tra Chính phủ đề nghị tham gia thử nghiệm Nền tảng quản lý công tác khiếu nại, tố cáo quốc gia, thành phố Hà Nội đã chủ động phối hợp với Thanh tra Chính phủ và đơn vị xây dựng phần mềm để thử nghiệm, hoàn thiện chức năng, quy trình nghiệp vụ.

Ngày 01/3/2026, thành phố Hà Nội chính thức đưa Nền tảng vào sử dụng trên phạm vi toàn thành phố. Tính đến ngày 20/9/2026, đã có 294 cơ quan, đơn vị thuộc các cơ quan đảng, đoàn thể và cơ quan hành chính được triển khai sử dụng, với 7.828 tài khoản người dùng. Trong thời gian này, hệ thống ghi nhận 14.192 lượt tiếp công dân/14.791 công dân được tiếp; tiếp nhận, cập nhật 40.519 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, trong đó 26.807 đơn đã được xử lý.

Một kết quả đáng chú ý là việc ứng dụng nền tảng số gắn với công tác theo dõi, đôn đốc các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài. Toàn thành phố có 75 vụ việc thuộc diện theo dõi; trong 9 tháng đầu năm 2026 đã giải quyết xong 59 vụ, đạt 78,7%, còn 16 vụ đang tiếp tục thực hiện. Đối với số vụ việc còn phải giải quyết tính đến ngày 28/2, qua rà soát, theo dõi, đôn đốc và khai thác dữ liệu nền tảng, đến ngày 17/9, các cơ quan, đơn vị đã giải quyết xong 6.512/6.596 vụ, đạt 98,7%.

Theo Ban Nội chính Thành ủy Hà Nội, nền tảng đã số hóa quy trình nghiệp vụ, quản lý tập trung trên môi trường số; hình thành cơ sở dữ liệu số "động" phục vụ khai thác, phân tích, theo dõi và nâng cao khả năng cảnh báo sớm. Nền tảng cũng tăng tính công khai, minh bạch, lưu lịch sử xử lý; tích hợp công cụ số và AI hỗ trợ cán bộ trích xuất, phân loại, dự thảo văn bản, giảm bớt thao tác thủ công. Đồng thời, hệ thống rút ngắn thời gian luân chuyển hồ sơ, nâng cao chất lượng báo cáo, hỗ trợ chỉ đạo điều hành trực quan và kết nối dữ liệu thống nhất.

Nếu thành phố Hà Nội tập trung xây dựng nền tảng quản lý thống nhất đối với công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư thì tại Thành phố Hồ Chí Minh, trọng tâm là kết nối dữ liệu giữa Ban Nội chính Thành ủy với các cơ quan tiến hành tố tụng. Đáng chú ý, cả bốn đơn vị tham gia đều đã có những bước tiến trong xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Công an Thành phố vận hành phần mềm Điều tra hình sự từ ngày 01/9/2023, tỷ lệ cập nhật thông tin vụ việc mới đạt 100%. Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố đưa nền tảng quản lý án hình sự vào vận hành từ ngày 01/01/2026, tỷ lệ cập nhật vụ việc phát sinh mới đạt 100%. Ngành tòa án Thành phố đã vận hành phần mềm quản lý án trung tâm, từng bước chuyển từ cập nhật thủ công sang quản lý trên nền tảng dữ liệu số.

Trên cơ sở đó, Ban Nội chính Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất xây dựng Hệ thống quản lý dữ liệu án diện Ban Chỉ đạo theo dõi, tập trung vào nhóm thông tin: thông tin căn bản của vụ án; tiến độ tố tụng; khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết; tình hình thu hồi tài sản. Hệ thống dự kiến có chức năng cảnh báo thời hạn tố tụng bằng màu sắc, tự động thông báo khi vụ án có dấu hiệu chậm tiến độ hoặc sắp hết thời hạn giải quyết.

Điểm đáng chú ý là dữ liệu được cập nhật từ giai đoạn điều tra, sau đó được Viện Kiểm sát và Tòa án kế thừa, bổ sung khi vụ án chuyển sang các giai đoạn tiếp theo, hạn chế việc

nhập liệu lại từ đầu. Cơ chế này đồng thời bảo đảm nguyên tắc cơ quan nào nhập liệu thì chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu; việc truy cập được phân quyền nghiêm ngặt, không can thiệp vào hoạt động nghiệp vụ độc lập của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Dữ liệu phải trở thành công cụ phục vụ chỉ đạo, điều hành

Thực tiễn tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy chuyển đổi số trong lĩnh vực nội chính đang hướng tới tạo khả năng kết nối, cập nhật và khai thác dữ liệu để nắm tình hình, theo dõi tiến độ, phát hiện vấn đề và tham mưu cấp ủy để kịp thời xử lý, giải quyết. Đây cũng là yêu cầu mà Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh khi đề cập đến chuyển đổi số trong toàn hệ thống chính trị: "Phải tổng rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu, kết nối và khai thác trên phạm vi toàn hệ thống chính trị."

Nhưng để dữ liệu thực sự phát huy hiệu quả thì trước hết phải đảm bảo chất lượng và quy định về việc cập nhật. Tại Hà Nội cho thấy vẫn còn những vấn đề cần khắc phục, như: chất lượng dữ liệu đầu vào chưa đồng đều; việc cập nhật giữa các cơ quan, đơn vị có nơi còn thiếu, chậm hoặc chưa chính xác; mức độ khai thác nền tảng quản lý công tác khiếu nại, tố cáo quốc gia chưa đồng đều, một số nơi còn thiên về cập nhật để phục vụ báo cáo.

Với Thành phố Hồ Chí Minh việc xây dựng cơ chế liên thông dữ liệu giữa Ban Nội chính Thành ủy với các cơ quan tiến hành tố tụng Thành phố vẫn đang ở bước đề xuất, cần hoàn thiện cơ sở pháp lý, hạ tầng kỹ thuật, cơ chế bảo mật và chuẩn bị nhân lực trước khi vận hành.

Từ những bước triển khai tại hai địa phương có thể thấy, đổi mới tham mưu trong lĩnh vực nội chính phải gắn việc ứng dụng công nghệ với chuẩn hoá dữ liệu, nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan và hiệu quả phối hợp. Khi thông tin được cập nhật, liên thông và khai thác thực chất, công tác tham mưu mới có cơ sở để nắm chắc tình hình, nhận diện sớm vấn đề và đề xuất cấp ủy chỉ đạo kịp thời, hiệu quả hơn.

Nguồn: vietnamplus.vn

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ MANG LẠI LỢI ÍCH THỰC CHẤT CHO NGƯỜI DÂN

Đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, thẳng thắn và cầu thị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Vũ Hải Quân tại phiên chất vấn ngày 12/11, từ những cam kết, giải pháp được Bộ trưởng đưa ra, các đại biểu kỳ vọng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sẽ tạo chuyển biến thực chất trong thực tiễn. Qua đó, góp phần cải thiện sinh kế, thu hẹp khoảng cách phát triển và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

Đại biểu Quốc hội Bùi Thị Kim Tuyến (Phú Thọ): Phát triển AI phải gắn với bảo đảm an toàn dữ liệu và thu hẹp khoảng cách số

Tôi đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, sự cầu thị và cách tiếp cận tương đối toàn diện của Bộ trưởng Vũ Hải Quân trước những vấn đề lớn đang đặt ra đối với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đây đều là những lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng đối với năng lực cạnh tranh quốc gia, chất lượng tăng trưởng và mục tiêu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Một nội dung để lại ấn tượng với tôi là phần trả lời của Bộ trưởng về bảo đảm an toàn dữ liệu khi ứng dụng AI, đặc biệt là cảnh báo không đưa dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước lên các nền tảng AI không được phép. Đây là vấn đề thiết thực trong bối cảnh AI ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Theo tôi, phát triển AI phải đi đôi với bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và chủ quyền số; việc quản lý cần dựa trên mức độ rủi ro, tránh cả hai thái cực buông lỏng hoặc cấm đoán.

Tôi cũng ghi nhận cách Bộ trưởng đặt vấn đề hỗ trợ người cao tuổi và người yếu thế tiếp cận công nghệ số thông qua ba điều kiện cụ thể: có hạ tầng kết nối, có thiết bị và có người hướng dẫn sử dụng. Đây là cách tiếp cận sát thực tiễn, bởi thành công của chuyển đổi số không chỉ được đo bằng số lượng nền tảng, ứng dụng hay dịch vụ công trực tuyến, mà quan trọng hơn là khả năng người dân thực sự tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng những tiện ích mà công nghệ mang lại.

Tôi đặc biệt đồng tình với việc đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số thông qua những sáng kiến như nền tảng Bình dân học vụ số. Công nghệ chỉ thực sự phát huy giá trị khi được chuyển hóa thành năng lực của con người. Vì vậy, đầu tư cho hạ tầng số phải đi đôi với đầu tư cho tri thức số, kỹ năng số và nâng cao khả năng thích ứng của xã hội trước sự phát triển nhanh chóng của công nghệ.

Một vấn đề cần quan tâm là nâng cao năng lực số và khả năng ứng dụng AI cho đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là cán bộ cấp xã. Trong bối cảnh vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, yêu cầu đối với cán bộ cơ sở ngày càng cao. Cán bộ không chỉ cần nắm vững chủ trương, chính sách, pháp luật mà còn phải có khả năng khai thác dữ liệu, sử dụng công nghệ số và ứng dụng AI an toàn, hiệu quả để nâng cao chất lượng tham mưu, thực hiện nhiệm vụ và phục vụ người dân. Vì vậy, phát triển AI cần gắn với đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nâng cao chất lượng quản trị ở cơ sở.

Từ thực tiễn Phú Thọ, địa phương có nhiều địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôi cho rằng chính sách phát triển AI và chuyển đổi số cần tính đến sự khác biệt về điều kiện hạ tầng, thiết bị và kỹ năng sử dụng công nghệ giữa các vùng, nhóm dân cư. Nếu chỉ tập trung phát triển nền tảng công nghệ mà chưa quan tâm đầy đủ đến những điều kiện để người dân tiếp cận thì nguy cơ gia tăng khoảng cách số là rất rõ.

Do đó, cần có chính sách hỗ trợ phù hợp đối với địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số; quan tâm đồng bộ từ hạ tầng kết nối, thiết bị, đào tạo kỹ năng số đến khả năng tiếp cận các dịch vụ và ứng dụng AI. Chuyển đổi số phải góp phần thu hẹp

khoảng cách phát triển, không để những hạn chế về điều kiện kinh tế, địa lý hay kỹ năng công nghệ trở thành rào cản đối với người dân.

Điều cử tri và đại biểu quốc hội quan tâm không chỉ là số lượng chính sách đã ban hành hay nguồn lực được bố trí, mà quan trọng hơn là những nguồn lực đó được chuyển hóa thành sản phẩm khoa học công nghệ, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và lợi ích thiết thực cho người dân, doanh nghiệp như thế nào.

Tôi mong Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục quyết liệt tháo gỡ những điểm nghẽn về cơ chế tài chính, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; thúc đẩy nghiên cứu, làm chủ công nghệ chiến lược; khắc phục tình trạng dữ liệu phân tán, thiếu kết nối. Đồng thời, cần xác định rõ mục tiêu, thời hạn, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của từng cơ quan; xây dựng tiêu chí đo lường hiệu quả, định kỳ báo cáo Quốc hội để phục vụ công tác giám sát. Việc giám sát phải hướng vào kết quả thực hiện, không chỉ dừng ở các cam kết.

Theo tôi, điều quan trọng sau phiên chất vấn là chuyển chủ trương thành chính sách, chuyển chính sách thành hành động và chuyển nguồn lực đầu tư thành sản phẩm khoa học công nghệ, năng suất, sức cạnh tranh và lợi ích thiết thực cho nhân dân. Đó mới là thước đo hiệu quả chính sách và trách nhiệm của người đứng đầu ngành.

Đại biểu Quốc hội Lo Thị Bảo Vy (Nghệ An): Gỡ điểm nghẽn chuyển đổi số phải bắt đầu từ cơ sở

Qua theo dõi phiên chất vấn và trả lời chất vấn của Bộ trưởng Vũ Hải Quân, tôi đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, sự thẳng thắn, cầu thị của Bộ trưởng trong việc nhìn nhận những tồn tại, hạn chế, làm rõ nguyên nhân và đề xuất giải pháp đối với các vấn đề đại biểu quốc hội quan tâm. Các câu trả lời cơ bản đi vào trọng tâm, thể hiện sự quan tâm đến những khó khăn trong tổ chức thực hiện và yêu cầu phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương để tháo gỡ các điểm nghẽn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trong các nội dung trả lời, tôi đặc biệt quan tâm đến phần giải trình về những khó khăn trong triển khai chuyển đổi số ở cấp xã. Bộ trưởng đã chỉ ra các nguyên nhân, từ phần mềm chưa kết nối đồng bộ, quy trình và biểu mẫu chưa thống nhất, dữ liệu chưa đầy đủ đến những hạn chế về hạ tầng kỹ thuật, công tác hỗ trợ và kỹ năng số của cán bộ, người dân... Đây đều là những vấn đề tác động trực tiếp đến hoạt động của chính quyền cơ sở và chất lượng phục vụ người dân.

Tôi ghi nhận việc Bộ Khoa học và Công nghệ đã trực tiếp khảo sát tại một số địa phương, xác định 29 bài toán cụ thể mà cán bộ cấp xã đang gặp phải để nghiên cứu giải pháp hướng dẫn, tháo gỡ và từng bước nhân rộng. Cách tiếp cận này cho thấy sự chủ động, sát thực tiễn và quan tâm đến những khó khăn phát sinh trong quá trình thực thi nhiệm vụ... Kỳ vọng, những vướng mắc đã được nhận diện sẽ sớm có giải pháp xử lý phù hợp, góp phần tạo thuận lợi hơn cho cán bộ cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ.

Theo tôi, hiệu quả chuyển đổi số không chỉ được đánh giá bằng số lượng nền tảng, phần mềm hay lượt trao đổi dữ liệu, mà quan trọng hơn là những tiện ích mang lại trong thực tế: cán bộ giảm được các thao tác trùng lặp, dữ liệu được kết nối, chia sẻ và tái sử dụng hiệu quả,

người dân không phải nhiều lần kê khai, cung cấp những thông tin mà cơ quan nhà nước đã có... Đây cũng là những kết quả thiết thực mà cử tri mong đợi từ quá trình chuyển đổi số.

Tôi cũng tâm đắc với phần trả lời của Bộ trưởng về giải pháp hỗ trợ người cao tuổi, người yếu thế và người dân vùng sâu, vùng xa tiếp cận công nghệ số. Ba điều kiện được Bộ trưởng đề cập gồm hạ tầng kết nối, thiết bị và hướng dẫn sử dụng là những yếu tố thiết thực, cần được triển khai đồng bộ. Bởi có sóng, có đường truyền nhưng thiếu thiết bị hoặc người dân chưa được trang bị kỹ năng sử dụng thì những tiện ích của chuyển đổi số vẫn khó đi vào cuộc sống.

Từ thực tiễn Nghệ An, địa phương có nhiều xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, tôi cho rằng cần quan tâm hơn đến khả năng tiếp cận và thụ hưởng công nghệ của đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đầu tư hạ tầng viễn thông, cần chú trọng nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ cấp xã, tăng cường hướng dẫn trực tiếp cho người dân bằng những hình thức dễ hiểu, dễ thực hiện, phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng địa bàn. Việc triển khai chuyển đổi số cần tính đến sự khác biệt về điều kiện tiếp cận và kỹ năng sử dụng công nghệ giữa các vùng, miền, để mọi người dân đều có cơ hội thụ hưởng những thành quả phát triển.

Tôi đồng tình với những định hướng được Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn nhấn mạnh tại phần kết luận phiên chất vấn, nhất là yêu cầu tháo gỡ các vướng mắc trong kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu; khắc phục tình trạng các nền tảng, hệ thống còn phân tán, chồng chéo... Tôi tin tưởng rằng, với sự quan tâm, chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ của Bộ Khoa học và Công nghệ cùng các bộ, ngành, địa phương, những khó khăn trong triển khai chuyển đổi số, nhất là ở cấp xã, sẽ từng bước được tháo gỡ.

Theo tôi, điều cử tri mong đợi sau phiên chất vấn là những chuyển biến cụ thể trong thực tiễn, giúp cán bộ cơ sở thuận lợi hơn khi thực hiện nhiệm vụ, người dân giảm bớt việc kê khai, cung cấp lại thông tin và đồng bào vùng sâu, vùng xa có thêm điều kiện tiếp cận các dịch vụ số. Những kết quả đó sẽ góp phần nâng cao hiệu quả chuyển đổi số, từng bước đưa Nghị quyết số 57-NQ/TW vào cuộc sống.

Đại biểu Quốc hội Cil Bri (Lâm Đồng): Đưa khoa học, công nghệ đến gần hơn với sản xuất và đời sống người dân

Qua phiên chất vấn Bộ trưởng Vũ Hải Quân, tôi đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, sự thẳng thắn, cầu thị của Bộ trưởng trong việc nhìn nhận những khó khăn, vướng mắc, làm rõ nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ. Điều tôi đặc biệt tâm đắc là cách tiếp cận xuất phát từ những bài toán thực tiễn để đặt hàng nghiên cứu, gắn hoạt động khoa học, công nghệ với nhu cầu của doanh nghiệp và người dân, hướng tới tạo ra những kết quả thiết thực trong sản xuất và đời sống.

Trong phần trả lời chất vấn, Bộ trưởng đã chỉ ra 5 nguyên nhân khiến việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu còn hạn chế, gồm: nhiều kết quả nghiên cứu chưa đủ điều kiện đưa vào sản xuất; khó khăn trong định giá tài sản trí tuệ; thiếu nguồn vốn đầu tư; việc thực hiện chính sách hỗ trợ chưa đồng bộ và năng lực thương mại hóa còn hạn chế. Tôi cho rằng, việc nhận diện rõ những điểm nghẽn này, cùng với định hướng tăng cường đặt hàng nghiên cứu từ

nhu cầu thực tế, là cơ sở quan trọng để thúc đẩy sự gắn kết giữa nhà khoa học, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp, nâng cao khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

Từ thực tiễn Lâm Đồng, địa phương có nhiều tiềm năng, thế mạnh về nông nghiệp, tôi cho rằng cần tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và nâng cao giá trị nông sản. Trong đó, chú trọng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi, quy trình canh tác và công nghệ sau thu hoạch, phù hợp với điều kiện sản xuất của từng địa bàn và yêu cầu của thị trường.

Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật cần xuất phát từ điều kiện sản xuất, tập quán canh tác và khả năng tiếp nhận của người dân. Không phải mô hình hiệu quả ở địa bàn này cũng có thể áp dụng nguyên vẹn ở địa bàn khác. Vì vậy, cần lựa chọn những mô hình phù hợp, tăng cường hướng dẫn trực tiếp, có sự đồng hành của cán bộ chuyên môn để người dân áp dụng và duy trì hiệu quả. Đồng thời, phát huy vai trò của hợp tác xã và doanh nghiệp trong liên kết sản xuất, chuyển giao công nghệ và tiêu thụ sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế cho đồng bào.

Tôi cũng đồng tình với định hướng của Bộ trưởng về việc phát triển song song các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược mang tính dài hạn với những công nghệ có khả năng ứng dụng ngay vào sản xuất, trong đó có nông nghiệp. Đây là cách tiếp cận phù hợp, vừa hướng tới nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương.

Một nội dung khác tôi đặc biệt quan tâm là việc khắc phục tình trạng lõm sóng viễn thông tại các thôn, bản vùng sâu, vùng xa. Tôi ghi nhận những kết quả Bộ trưởng thông tin về công tác phủ sóng viễn thông trên cả nước, trong đó tình trạng lõm sóng tại các thôn, bản đã cơ bản được khắc phục. Việc triển khai các chính sách hỗ trợ thông qua Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích nhằm tạo điều kiện cho người dân ở địa bàn khó khăn tiếp cận hạ tầng, dịch vụ và thiết bị viễn thông cũng là giải pháp thiết thực, góp phần thu hẹp khoảng cách tiếp cận thông tin giữa các vùng, miền.

Theo tôi, bên cạnh kết quả đạt được, cần tiếp tục rà soát các khu vực còn lõm sóng hoặc chất lượng kết nối chưa ổn định, nhất là tại những địa bàn có địa hình phức tạp, chi phí đầu tư lớn, để có giải pháp khắc phục phù hợp. Không chỉ bảo đảm có sóng, cần quan tâm đến chất lượng và tính ổn định của dịch vụ, giúp người dân thuận lợi hơn trong tiếp cận thông tin, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, quảng bá và tiêu thụ nông sản. Đây cũng là điều kiện quan trọng để đồng bào dân tộc thiểu số tham gia và thụ hưởng hiệu quả hơn những thành quả của chuyển đổi số.

Tôi đặc biệt ghi nhận cách tiếp cận sát thực tiễn của Bộ trưởng khi chỉ ra những bất cập trong quá trình chuyển đổi số, nhất là tình trạng phần mềm chưa đồng bộ, dữ liệu chưa được kết nối, chia sẻ hiệu quả, gây khó khăn cho cán bộ cơ sở và người dân. Việc Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp khảo sát, xác định những vướng mắc trong công việc hằng ngày của cán bộ cấp xã để tìm giải pháp tháo gỡ là cách làm thiết thực, xuất phát từ yêu cầu thực tế.

Từ góc độ địa phương, tôi cho rằng cần tiếp tục hoàn thiện các phần mềm theo hướng đồng bộ, dễ sử dụng, hạn chế trùng lặp; nâng cao chất lượng dữ liệu và khả năng kết nối, chia sẻ thông tin. Đối với vùng sâu, vùng xa, việc triển khai cần tính đến điều kiện hạ tầng và năng lực sử dụng của cán bộ cơ sở, đồng thời quan tâm hướng dẫn kỹ năng số cho người dân, để các hệ thống được đầu tư thực sự phát huy hiệu quả, giảm khó khăn trong giải quyết công việc và phục vụ người dân tốt hơn.

Đối với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ, tôi đồng tình với những giải pháp Bộ trưởng đề cập nhằm tháo gỡ khó khăn về nguồn vốn, hỗ trợ tư vấn chuyên gia, giúp doanh nghiệp xác định nhu cầu đổi mới công nghệ. Tôi kỳ vọng các giải pháp này tiếp tục được cụ thể hóa và triển khai hiệu quả, tạo thêm cơ hội cho doanh nghiệp và hợp tác xã, nhất là tại những địa bàn khó khăn, tiếp cận nguồn lực, ứng dụng tiến bộ công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm.

Tôi mong Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương tháo gỡ vướng mắc trong chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; quan tâm nhân rộng những mô hình khoa học, kỹ thuật phù hợp với điều kiện sản xuất của từng vùng. Đồng thời, chú trọng hoàn thiện hạ tầng viễn thông, khắc phục những khu vực còn lõm sóng và nâng cao hiệu quả chuyển đổi số ở cơ sở, để các chính sách, giải pháp thực sự đến được với người dân.

Theo tôi, hiệu quả của khoa học, công nghệ cần được thể hiện bằng những chuyển biến cụ thể trong sản xuất và đời sống. Đó là khi tiến bộ kỹ thuật giúp người dân giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện thu nhập; khi những thôn, bản còn khó khăn có kết nối thông tin ổn định và người dân được tiếp cận các dịch vụ số thuận tiện hơn. Với những định hướng và giải pháp Bộ trưởng đã làm rõ tại phiên chất vấn, tôi kỳ vọng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sẽ tiếp tục tạo ra những giá trị thiết thực, góp phần cải thiện sinh kế, thu hẹp khoảng cách phát triển và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

Nguồn: daibieunhandan.vn

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN QUỐC GIA

Thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc ký Nghị quyết số 358/NQ-CP ngày 09/11/2026 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới (Chương trình).

Mục đích của Chương trình nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 27-NQ/TW nhằm phát huy hơn nữa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, thúc đẩy liên kết vùng và khai thác hiệu quả không gian phát triển mới của các địa phương và vùng sau sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm rõ nội dung, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, kết quả/đánh giá và thời hạn hoàn thành.

Phát huy vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo nguyên tắc phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng, tập trung, dân chủ, phối hợp chặt chẽ gắn với trách nhiệm của từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương; bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, liên thông trong quy hoạch, đầu tư, phát triển hạ tầng, dữ liệu và phân bổ nguồn lực; hài hòa lợi ích giữa địa phương, vùng và quốc gia. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương gắn với công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát nhằm phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường của các vùng và địa phương.

11 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Để thực hiện thắng lợi các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện 11 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm:

1- Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới.

2- Tổ chức không gian phát triển vùng và thực hiện tốt quy hoạch vùng.

3- Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển vùng.

4- Đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành và phát triển các động lực kinh tế mới của vùng.

5- Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ, liên vùng.

6- Phát triển hệ thống đô thị hiện đại và các cực tăng trưởng của vùng.

7- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

8- Phát triển văn hóa, xã hội và bảo đảm an sinh xã hội toàn diện.

9- Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

10- Tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

11- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

Kết nối các hành lang kinh tế trong nước với các hành lang kinh tế của khu vực và quốc tế

Trong đó, Chương trình sẽ tổ chức thực hiện hiệu quả các quy hoạch vùng gắn với các định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia trên địa bàn vùng; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng theo hướng đa tầng, đa cực, liên kết đồng bộ đất liền, vùng biển, vùng trời, không gian ngầm, không gian số và các không gian phát triển mới, phù hợp với chức năng, tiềm năng, lợi thế, điều kiện tài nguyên, môi trường sau sắp xếp đơn vị hành chính và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế: Hành lang kinh tế Bắc - Nam trên cơ sở trục giao thông Bắc - Nam phía Đông; Hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế Mộc Bài (Tây Ninh) - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu; từng bước hình thành, phát triển các hành lang kinh tế khác trong dài hạn, kết nối hiệu quả các vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia; chú trọng việc kết nối các hành lang kinh tế trong nước với các hành lang kinh tế của khu vực và quốc tế.

Tập trung phát triển các vùng động lực quốc gia đã được xác định trong Quy hoạch tổng thể quốc gia; phát huy vai trò của các cực tăng trưởng, các đô thị và địa bàn động lực, làm đầu tàu dẫn dắt tăng trưởng, tăng cường liên kết và lan tỏa phát triển trong vùng và giữa các vùng; tiếp tục mở rộng phạm vi các vùng động lực khi đủ điều kiện.

Ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, nội dung của quy hoạch vùng; quan tâm đầu tư cho các cực tăng trưởng để làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho cả vùng.

Phát triển mạnh các động lực tăng trưởng mới cho từng vùng

Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng của từng vùng dựa trên năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển mạnh các động lực tăng trưởng mới cho từng vùng từ công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ giá trị cao, nông nghiệp thông minh, kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các mô hình kinh tế mới và các ngành giá trị gia tăng cao.

Phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, hình thành các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, hành lang kinh tế và các vùng động lực có khả năng cạnh tranh cao, gắn kết chặt chẽ với mạng lưới đô thị quốc gia; ưu tiên phát triển các khu kinh tế ven biển tập trung vào một số ngành trọng điểm phù hợp với các địa phương, tạo đột phá tăng trưởng.

Phát triển đồng bộ, hiện đại, minh bạch, liên thông thị trường nhân tố sản xuất, nhất là thị trường vốn, khoa học - công nghệ và lao động chất lượng cao; đưa lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng trở thành một ngành kinh tế chiến lược, gắn các công trình đường sắt, cảng biển, năng lượng, đô thị thông minh, hạ tầng số với sự phát triển của các ngành công nghiệp hỗ trợ, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất và gia tăng tỉ lệ nội địa hóa.

Khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, có khả năng tự chủ sản xuất trong nước và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghiệp công nghệ số; tạo điều kiện phát triển dịch vụ tài chính, logistics, thương mại điện tử, du lịch chất lượng cao; cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng sinh thái, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, giá trị gia tăng cao và phát thải thấp theo chuỗi giá trị.

Ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông trục xương sống Bắc - Nam và hành lang Đông - Tây thế hệ mới

Tập trung nguồn lực phát triển, hoàn thiện kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, kết nối đa phương thức, nhất là hạ tầng giao thông, cảng biển, cảng hàng không, năng lượng, hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu, có khả năng chống chịu thiên tai ở cấp độ cao, hạ tầng số, dữ liệu, hạ tầng xanh; các loại hình hạ tầng được kết nối hiệu quả theo hành lang kinh tế và không gian phát triển vùng.

Ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông trục xương sống Bắc - Nam và hành lang Đông - Tây thế hệ mới; các cảng biển cửa ngõ có chức năng trung chuyển quốc tế, các cảng hàng không quốc tế lớn, các tuyến đường sắt kết nối với các cảng biển lớn, đường sắt kết nối quốc tế, đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam; nâng cấp, hiện đại hóa các tuyến đường sắt hiện có và khai thác hiệu quả lợi thế về vận tải đường thủy trở thành phương thức vận tải chủ yếu của một số vùng, tối ưu hóa chuỗi logistics; phát triển hạ tầng năng lượng bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế 2 con số.

Phát triển hệ thống thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo hướng đa mục tiêu, nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa nước trọng yếu bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân; xây dựng công trình kiểm soát nguồn nước tại các cửa sông lớn để chủ động kiểm soát mặn, trữ ngọt, củng cố hệ thống công trình phòng, chống lũ, chống ngập lụt tăng cường bảo vệ không gian thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông, bảo đảm khả năng tiêu, thoát lũ, bảo vệ các đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn.

Tập trung nguồn lực hoàn thành các tuyến cao tốc, đường ven biển, quốc lộ quan trọng đáp ứng yêu cầu phát triển các hành lang kinh tế, nhu cầu kết nối vùng, liên vùng, kết nối thông suốt trên địa bàn đơn vị hành chính mới sau sáp nhập, kết nối hạ tầng cửa ngõ (cảng biển, cảng hàng không quốc tế) để mở ra không gian phát triển mới và tạo sức bật mới thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐỀ XUẤT SỬA QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Bộ Tài chính đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP.

Bộ Tài chính cho biết, dự thảo Nghị định đề xuất sửa đổi, bổ sung những nội dung chính gồm: (1) Sửa đổi Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước để phù hợp với tình hình thực tế; (2) Sửa đổi quy định về tiền lương, trích lập các quỹ đối với đơn vị nhóm 1, nhóm 2 để phù hợp với Nghị quyết 79-NQ/TW; (3) Sửa đổi quy định về sử dụng số dư Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để phù hợp với tình hình thực tế, (4) Sửa đổi quy định về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công theo hướng đơn giản hóa quy trình lấy ý kiến. Cụ thể:

Về lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP quy định: Đến hết năm 2021, cơ bản hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định, chi phí khác theo quy định của pháp luật về giá). Trường hợp do khó khăn khách quan cần xây dựng lộ trình khác, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính.

Dự thảo Nghị định đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định: Thực hiện lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ công theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí (chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định, chi phí khác theo quy định của pháp luật về giá). Trường hợp do khó khăn khách quan cần xây dựng lộ trình khác, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Về tiền lương và các khoản đóng góp của các đơn vị sự nghiệp nhóm 1, nhóm 2

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và khoản 3 Điều 10 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước (sửa đổi nội dung gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ hai thuộc điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) quy định:

1. Chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương

a) Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị quyết số 27-NQ/TW), đơn vị chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ

cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công; chi tiền lương theo hợp đồng lao động (nếu có). Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung. Đơn vị chi tiền thưởng theo chế độ do Nhà nước quy định.

b) Kể từ thời điểm chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW có hiệu lực thi hành, thực hiện như sau:

Đơn vị nhóm 1 và nhóm 2: Căn cứ tình hình tài chính, đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương (bao gồm xác định quỹ tiền lương, chi trả tiền lương cho viên chức và người lao động) theo kết quả hoạt động của đơn vị như doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện, đơn vị sự nghiệp công được trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau. Mức dự phòng hằng năm do đơn vị quyết định nhưng không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện. Việc trích lập quỹ dự phòng tiền lương phải đảm bảo sau khi trích lập, đơn vị có chênh lệch thu lớn hơn chi; trường hợp đơn vị không có chênh lệch thu lớn hơn chi thì không được trích đủ 17%. Trường hợp năm trước liền kề đơn vị có trích lập quỹ dự phòng tiền lương mà sau 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, đơn vị chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết thì đơn vị phải hoàn nhập dự phòng.

Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung. Việc chi trả tiền lương cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định:

"a) Đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương (bao gồm xác định quỹ tiền lương, chi trả tiền lương cho viên chức và người lao động) theo kết quả hoạt động của đơn vị như doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung.

b) Các khoản đóng góp theo tiền lương theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

c) Chi tiền thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; quy định của Chính phủ về chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (ngoài quỹ khen thưởng theo quy định hiện hành của Luật Thi đua, khen thưởng) và các chế độ chi tiền thưởng khác mà pháp luật chuyên ngành cho phép tính vào các khoản chi thường xuyên giao tự chủ".

Về phân phối kết quả tài chính trong năm của các đơn vị sự nghiệp nhóm 1, nhóm 2

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP quy định:

1. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo

quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có), đơn vị sự nghiệp công được sử dụng theo thứ tự như sau:

a) Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Trích tối thiểu 25%;

b) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập áp dụng trong trường hợp đơn vị chi tiền lương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định này: Đơn vị nhóm 1 được tự quyết định mức trích (không khống chế mức trích); đơn vị nhóm 2 trích tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định. Trường hợp đơn vị chi tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định này thì không trích lập Quỹ bổ sung thu nhập;

c) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi: Tổng hai quỹ tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;

d) Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

đ) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định:

1. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có), đơn vị sự nghiệp công được sử dụng theo thứ tự như sau:

- Đơn vị trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi trên cơ sở Quỹ tiền lương thực hiện được xác định theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

- Đơn vị không trích lập Quỹ bổ sung thu nhập, không thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm từ Quỹ bổ sung thu nhập;

- Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Về việc sử dụng số dư Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đối với đơn vị nhóm 3

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP quy định:

"a) Trường hợp số dư Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công vượt quá 2 lần mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định hằng năm của đơn vị và đơn vị không có nhu cầu sử dụng để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, thì đơn vị phải nộp ngân sách nhà nước đối với số dư quỹ không có nhu cầu sử dụng đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị.

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định:

"Đơn vị sự nghiệp công lập xác định, phê duyệt nhiệm vụ/kế hoạch dự án, đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị giai đoạn 05 năm từ nguồn Quỹ phát triển sự nghiệp theo thẩm quyền phù hợp với giai đoạn phân loại tự chủ tài chính. Kết thúc giai đoạn 05 năm, trường hợp số dư Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị vượt quá 2 lần mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định hằng năm của đơn vị và đơn vị không có nhu cầu sử

dụng để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đơn vị nộp ngân sách nhà nước phần không có nhu cầu sử dụng tính đến thời điểm 31/12 năm cuối của giai đoạn (trừ số dư Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp sử dụng cho các nội dung chi thường xuyên)".

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH MỚI VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Bộ Tài chính đang dự thảo Thông tư quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

Các quy định được đề xuất áp dụng đối với các hoạt động kiểm soát việc quy định, thực hiện, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

Nội dung chi, mức chi

Dự thảo nêu rõ quy định về nội dung chi, mức chi cụ thể như sau:

1. Chi thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

2. Chi điều tra, khảo sát phục vụ hoạt động rà soát, đánh giá thủ tục hành chính

Chi lập mẫu rà soát, chi điền biểu mẫu rà soát phục vụ hoạt động rà soát, đánh giá thủ tục hành chính: Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng Điều tra thống kê quốc gia, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022.

3. Chi tổ chức các đoàn công tác trong nước phục vụ công tác kiểm soát thủ tục hành chính; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

4. Chi tổ chức các đoàn công tác nước ngoài phục vụ công tác kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

5. Chi thuê chuyên gia tư vấn

Trường hợp nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính có tính chất chuyên môn phức tạp mà đội ngũ cán bộ, công chức hiện có không thể tự thực hiện, việc thuê chuyên gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2026/TT-BNV ngày 05/5/2026 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

6. Chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân cán bộ, công chức có thành tích trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính: Thực hiện theo chế độ thi đua, khen thưởng hiện hành.

7. Chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về thực hiện và kiểm soát thủ tục hành chính cho đội ngũ công chức, viên chức: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

8. Các nội dung chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính: Chi phí in ấn, văn phòng phẩm và các chi phí khác có liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giá (nếu có), các pháp luật khác có liên quan; thanh toán theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính

Dự thảo nêu rõ, hằng năm, căn cứ vào nhiệm vụ, hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư này, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ lập dự toán tổng hợp vào dự toán ngân sách của bộ, cơ quan trung ương, địa phương, gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

Quản lý, sử dụng và quyết toán

Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.

Kho bạc Nhà nước thanh toán kinh phí theo quy định tại Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

Dự thảo nêu rõ, nội dung, mức chi quy định nêu trên là nội dung, mức chi làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính. Căn cứ yêu cầu thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách các cấp, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Nguồn: baochinhphu.vn

QUY ĐỊNH MỚI VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 57/2026/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng.

Thông tư số 57/2026/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2026/QH16 (Luật Phòng, chống rửa tiền) thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Nhà nước).

Một trong những quy định đáng chú ý của Thông tư là quy định kết hợp giám sát tuân thủ và giám sát trên cơ sở rủi ro phù hợp với đặc điểm, mức độ rủi ro của các nhóm đối tượng giám sát, nguồn lực và thực tiễn công tác giám sát. Đồng thời, kết hợp giữa hoạt động giám sát từ xa và thanh tra, kiểm tra tại chỗ; tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin, đảm bảo sự phối hợp giữa đơn vị thực hiện giám sát với các đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm tra trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm về nội dung phòng, chống rửa tiền.

Trình tự, thủ tục giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền

Thông tư quy định trình tự, thủ tục giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền gồm 3 bước:

Bước 1: Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu.

Bước 2: Thực hiện các nội dung giám sát tuân thủ, giám sát trên cơ sở rủi ro.

Bước 3: Lập báo cáo giám sát, đề xuất các biện pháp áp dụng trong giám sát.

Giám sát tuân thủ

Đối với giám sát tuân thủ, đơn vị thực hiện giám sát thực hiện giám sát tuân thủ các nội dung sau đây đối với các đối tượng giám sát:

Xem xét, theo dõi, đánh giá, phân tích, nhận định về việc tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại các điều 15, 25, 26, 34, 36, 37 Luật Phòng, chống rửa tiền, các văn bản quy định chi tiết và các quy định về chế độ thông tin, báo cáo liên quan.

Xem xét, theo dõi, đánh giá, phân tích, nhận định về quy định nội bộ của đối tượng giám sát theo quy định tại Điều 24 Luật Phòng, chống rửa tiền và các văn bản quy định chi tiết có liên quan.

Giám sát việc tuân thủ các chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát về phòng, chống rửa tiền (nếu có).

Giám sát trên cơ sở rủi ro

Về giám sát trên cơ sở rủi ro, Thông tư nêu rõ, đơn vị thực hiện giám sát thực hiện đánh giá, phân tích, nhận định về mức độ rủi ro của đối tượng giám sát theo các nội dung sau:

1. Nội dung đánh giá rủi ro rửa tiền bao gồm:

Đánh giá rủi ro cấu trúc là việc đánh giá rủi ro rửa tiền từ quy mô hoạt động và mô hình tổ chức của đối tượng giám sát.

Đánh giá rủi ro cố hữu là việc đánh giá rủi ro rửa tiền từ khách hàng; sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng; cách thức phân phối sản phẩm, dịch vụ và khu vực địa lý.

Đánh giá cơ chế kiểm soát, phòng ngừa rủi ro rửa tiền là việc đánh giá rủi ro từ công tác quản trị, điều hành trong công tác phòng, chống rửa tiền; việc ban hành, thực hiện các chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền và các thông tin liên quan khác (nếu có).

2. Định kỳ, đơn vị thực hiện giám sát yêu cầu và hướng dẫn đối tượng giám sát cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu thuộc nội dung đánh giá rủi ro rửa tiền quy định tại khoản 1 nêu trên để đánh giá, phân tích, chấm điểm và xếp loại mức độ rủi ro rửa tiền, cụ thể như sau:

Thông tin để phục vụ đánh giá rủi ro cấu trúc bao gồm: Giấy phép hoạt động, tổng tài sản, cơ cấu tổ chức quản lý; mạng lưới hoạt động trong nước và nước ngoài; thông tin về ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thông tin về công ty mẹ, công ty con (nếu có).

Thông tin để phục vụ đánh giá rủi ro cố hữu bao gồm:

Rủi ro rửa tiền từ khách hàng bao gồm thông tin về số lượng khách hàng, số lượng tài khoản, tổng giá trị giao dịch phân theo: Mức độ rủi ro rửa tiền của khách hàng do đối tượng giám sát phân loại, khách hàng cá nhân/khách hàng tổ chức, khách hàng cư trú/khách hàng không cư trú, ngành nghề kinh doanh.

Rủi ro rửa tiền từ sản phẩm, dịch vụ bao gồm thông tin về số lượng khách hàng và tổng giá trị giao dịch của khách hàng phân theo các sản phẩm, dịch vụ có mức độ rủi ro cao về rửa tiền.

Rủi ro rửa tiền từ cách thức phân phối sản phẩm, dịch vụ bao gồm thông tin về số lượng khách hàng, số lượng giao dịch và tổng giá trị giao dịch thực hiện qua từng kênh phân phối: giao dịch trực tiếp, giao dịch điện tử từ xa hoặc kênh khác.

Rủi ro rửa tiền từ khu vực địa lý gồm thông tin về số lượng khách hàng và tổng giá trị các giao dịch có liên quan đến quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro cao về rửa tiền hoặc các khu vực địa lý trong nước có rủi ro cao về rửa tiền.

Thông tin để phục vụ đánh giá cơ chế kiểm soát, phòng ngừa rủi ro tại đối tượng giám sát bao gồm: Thông tin về quản trị, điều hành trong công tác phòng, chống rửa tiền; thông tin về việc ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; thông tin về việc phân công, sắp xếp nhân sự thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền; thông tin về việc thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro rửa tiền hằng năm, việc xây dựng và ban hành chính sách kiểm soát rủi ro rửa tiền; thông tin về quy trình giám sát giao dịch và cơ chế báo cáo giao dịch đáng ngờ; thông tin về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về phòng, chống rửa tiền; thông tin về công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền; thông tin về việc theo dõi và tình hình khắc phục các phát hiện kiểm toán (nếu có).

Đơn vị thực hiện giám sát thực hiện giám sát trên cơ sở rủi ro theo nội dung đánh giá, phương pháp, công cụ chấm điểm rủi ro do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định đối

với các nhóm đối tượng giám sát khác nhau trong từng thời kỳ để đánh giá, phân tích, chấm điểm và xếp loại mức độ rủi ro rửa tiền.

Đơn vị thực hiện giám sát báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước kết quả xếp loại đối tượng giám sát theo các mức độ rủi ro; xem xét, phân bổ nguồn lực giám sát và đề xuất áp dụng các biện pháp giám sát theo quy định tại Chương VI Thông tư này tương ứng với mức độ rủi ro rửa tiền đã được xác định đối với đối tượng giám sát.

Đơn vị thực hiện giám sát thực hiện kết hợp với các nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu sẵn có và các nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu khác (nếu có) để xác định đối tượng, tần suất, nội dung, quy mô giám sát, kiểm tra phục vụ việc xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất.

Nguồn: baochinhphu.vn

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO CƠ SỞ VÀ ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO TOÀN DÂN CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 2154/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao, không gian công cộng phục vụ rèn luyện sức khỏe cho nhân dân; đẩy mạnh phong trào toàn dân chủ động chăm sóc sức khỏe, xây dựng văn hóa sức khỏe trong nhân dân".

Phát triển sâu rộng phong trào thể dục, thể thao quần chúng, thể thao học đường

Đề án được thực hiện trong phạm vi toàn quốc từ giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu bảo đảm hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao và không gian công cộng phục vụ tập luyện thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe cho nhân dân được hoàn thiện, phát huy hiệu quả về cơ sở vật chất, trang thiết bị; cơ chế, phương thức tổ chức, quản lý, vận hành; công năng khai thác, sử dụng, gắn kết với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch, kế hoạch, chiến lược liên quan tại địa phương, phù hợp với điều kiện thực tế trên từng địa bàn; ưu tiên khu vực ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội; bảo đảm người dân được tham gia sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí, rèn luyện sức khỏe thường xuyên, phù hợp với điều kiện, khả năng, sở thích, nhu cầu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý, khai thác và kết nối dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Phát triển sâu rộng phong trào, hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, thể thao học đường. Khuyến khích mỗi người dân lựa chọn và duy trì tập luyện thường xuyên ít nhất một môn thể thao hoặc hình thức vận động phù hợp; mở rộng các câu lạc bộ, nhóm sở thích và các mô hình tập luyện thể dục, thể thao phù hợp tại cộng đồng; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.

Phát triển văn hóa, ý thức rèn luyện sức khỏe, từng bước xây dựng quốc gia vận động thông qua tăng cường vận động thể chất thường xuyên, khoa học, chăm sóc dinh dưỡng hợp lý, chủ động kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật.

100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 03 loại hình thiết chế văn hóa cơ bản

Trong giai đoạn 2026 - 2030, về thiết chế văn hóa, thể thao và không gian công cộng, Đề án phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 03 loại hình thiết chế văn hóa cơ bản, gồm: Trung tâm văn hóa - nghệ thuật, bảo tàng và thư viện, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, gắn với chuyển đổi số và mô hình quản trị hiệu quả; 80% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 03 công trình thể thao cơ bản (nhà thi đấu, sân vận động, bể bơi) đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định.

Phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp xã có thiết chế văn hóa, thể thao đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định; 90% thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Hầu hết các thôn, tổ dân phố, khu dân cư, khu đô thị, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế có ít nhất 01 thiết chế thể thao hoặc 01 điểm tập luyện thể dục, thể thao công cộng...

Phấn đấu mỗi người dân lựa chọn ít nhất 01 môn thể thao

Về phong trào rèn luyện thể thao thường xuyên, Đề án đưa ra mục tiêu là phong trào thể dục, thể thao cho mọi người phát triển rộng khắp; phấn đấu tỷ lệ người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đạt trên 58% dân số (đối với khu vực đồng bằng), trên 32% dân số (đối với khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, biên giới); tỷ lệ hộ gia đình thể thao đạt trên 35% (đối với khu vực đồng bằng) và trên 20% (đối với khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, biên giới); trên 90% học sinh, sinh viên và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể, sức khỏe theo quy định; hầu hết đơn vị hành chính cấp xã và các thôn, tổ dân phố, khu dân cư có câu lạc bộ thể thao cơ sở.

Phấn đấu mỗi người dân lựa chọn ít nhất 01 môn thể thao hoặc 01 hình thức tập luyện phù hợp để tập luyện thường xuyên, bảo đảm phù hợp độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe và đặc thù vùng miền; khuyến khích đa dạng hóa hình thức tập luyện theo cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng; kết hợp vận động hàng ngày với tập luyện có kế hoạch, phù hợp thể trạng, hình thành thói quen rèn luyện thường xuyên, liên tục và bền vững.

Phát triển các loại hình bảo hiểm sức khỏe

Về văn hóa sức khỏe trong nhân dân, phấn đấu đạt tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; phát triển các loại hình bảo hiểm sức khỏe.

Hằng năm, trên 90% thanh niên ở đô thị, 80% thanh niên ở nông thôn, 70% thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật hoặc sáng tạo văn hóa, thể dục, thể thao, hoạt động sinh hoạt cộng đồng.

Hằng năm, trên 70% thanh niên được tiếp cận kiến thức, kỹ năng về xây dựng gia đình hạnh phúc, phát triển bền vững tại cơ sở, mô hình can thiệp, phòng ngừa, ứng phó bạo lực gia đình và bạo lực trên cơ sở giới.

Đến năm 2045, tầm vóc thanh niên Việt Nam đạt mức cao trong khu vực

Đến năm 2045, Đề án phấn đấu 100% thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đạt chuẩn theo quy định; 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 03 công trình thể thao cơ bản (nhà thi đấu, sân vận động, bể bơi) đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn quy định. 100% trường học trong hệ thống giáo dục phổ thông có công trình thể thao.

Phong trào thể dục, thể thao phát triển đồng đều, đa dạng trong các đối tượng và địa bàn; nhân dân duy trì thói quen rèn luyện thể chất thường xuyên; trên 95% học sinh, sinh viên và cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể, sức khỏe theo quy định; tầm vóc thanh niên Việt Nam đạt mức cao trong khu vực.

Hình thành nền tảng thể chất và văn hóa rèn luyện sức khỏe suốt đời trong học sinh, sinh viên, gắn với giáo dục toàn diện đức - trí - thể - mỹ; học sinh, sinh viên duy trì "thói quen vận động suốt đời"

Chỉ số sức khỏe của người dân, chỉ số bao phủ dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu ngang tầm các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới...

Để đạt được các mục tiêu trên, Đề án đưa ra 5 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định pháp luật

Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý, khai thác, vận hành hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; tổ chức sắp xếp, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đáp ứng quy mô đơn vị hành chính sau sắp xếp, sáp nhập; hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực văn hóa, thể thao có liên quan; xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả.

Khai thác thiết chế văn hóa, thể thao và không gian công cộng phục vụ rèn luyện sức khỏe; xây dựng bộ chỉ số về thể lực, mức độ vận động và khả năng tiếp cận thể dục, thể thao...

2- Nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân chủ động chăm sóc sức khỏe, xây dựng văn hóa sức khỏe trong nhân dân

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tổ chức Cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", lấy nâng cao sức khỏe nhân dân làm mục tiêu trung tâm; đẩy mạnh phong trào toàn dân chủ động chăm sóc sức khỏe gắn với phong trào "Mỗi người dân lựa chọn ít nhất một môn thể thao phù hợp để tập luyện thường xuyên"; khuyến khích đa dạng hóa hình thức tập luyện phù hợp với độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe và đặc thù vùng miền.

Xây dựng, hoàn thiện và nhân rộng mô hình chủ động chăm sóc sức khỏe và tập luyện thể dục, thể thao tại gia đình, nhà trường, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và khu dân cư. Phát triển các mô hình "Không gian công cộng vì sức khỏe", "Công viên sức khỏe" và "Không gian vận động", câu lạc bộ thể thao cộng đồng, không gian sáng tạo, sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật kết hợp chăm sóc sức khỏe tinh thần.

3- Nâng cao hiệu quả sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao và không gian công cộng phục vụ phong trào chăm sóc sức khỏe nhân dân

Rà soát, bố trí quỹ đất phù hợp quy hoạch; ưu tiên khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; nâng cao chất lượng, đổi mới phương thức tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí, câu lạc bộ tại thiết chế văn hóa, thể thao nhằm thu hút đông đảo người dân tham gia.

Ưu tiên hỗ trợ hoạt động văn hóa, thể thao tại miền núi, hải đảo, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn; bố trí các không gian công cộng (công viên, khu tập luyện ngoài trời) gần các cụm trường học để thuận lợi cho học sinh, sinh viên tham gia tập luyện thể dục, thể thao.

4- Phát triển thể thao học đường, hình thành nền tảng văn hóa sức khỏe suốt đời của người Việt Nam

Tăng cường phối hợp giữa ngành giáo dục và đào tạo với ngành y tế, văn hóa, thể thao trong tổ chức giáo dục thể chất, hoạt động thể dục, thể thao gắn với dinh dưỡng hợp lý, chăm sóc sức khỏe học đường và phát triển thể lực, tầm vóc học sinh, sinh viên; đổi mới giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học; phát huy vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh...

5- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển thể dục, thể thao, xây dựng văn hóa sức khỏe nhân dân

Xây dựng văn hóa sức khỏe để trở thành nếp sống quen thuộc của người dân; khuyến khích cách làm sáng tạo, phù hợp với tập quán vùng miền; sử dụng nền tảng số, mạng xã hội để phổ biến kiến thức, kỹ năng về dinh dưỡng, vận động thể chất, chăm sóc sức khoẻ, hình thành thói quen rèn luyện thường xuyên, phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền.

Ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển các nền tảng số hỗ trợ người dân theo dõi, cải thiện sức khỏe toàn diện về thể chất, dinh dưỡng và tinh thần; từng bước hình thành hệ sinh thái "công dân sức khỏe số", phục vụ hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá và hoạch định chính sách về sức khỏe nhân dân...

Nguồn: baochinhphu.vn

HỖ TRỢ TRẺ EM KHUYẾT TẬT TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ BẢO VỆ, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 2168/QĐ-TTg ngày 10/11/2026 phê duyệt Đề án Hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục giai đoạn 2026 - 2030 (Đề án).

Mục tiêu chung của Đề án là bảo đảm trẻ em khuyết tật được thực hiện đầy đủ các quyền, tiếp cận và sử dụng công bằng, hiệu quả các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, sàng lọc,

phát hiện, can thiệp sớm, phục hồi chức năng, giáo dục, an sinh xã hội và công nghệ, thiết bị hỗ trợ; ưu tiên hỗ trợ trẻ em khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em khuyết tật là người dân tộc thiểu số và trẻ em khuyết tật sinh sống tại miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; xóa bỏ các rào cản xã hội, giảm kỳ thị, phân biệt đối xử và phát triển tối đa tiềm năng của trẻ em khuyết tật để hòa nhập cộng đồng bền vững.

Đến 2030, 100% trẻ em khuyết tật có đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội, bảo hiểm y tế

Đề án đặt chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030, bảo đảm trẻ em khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, phúc lợi xã hội. Trong đó, ít nhất 80% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc, phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật; 90% trẻ em khuyết tật được đánh giá, lập kế hoạch hỗ trợ can thiệp khi có nhu cầu và kết nối các dịch vụ hỗ trợ can thiệp phù hợp; 90% trẻ em khuyết tật ở độ tuổi mầm non và giáo dục phổ thông được tiếp cận giáo dục phù hợp.

100% trẻ em khuyết tật học hòa nhập được xây dựng, thực hiện và theo dõi, đánh giá kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) theo quy định; 100% trẻ em khuyết tật bị xâm hại, bạo lực, bóc lột, bỏ rơi khi được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời, phù hợp; 100% trẻ em khuyết tật có đủ điều kiện theo quy định pháp luật được hưởng trợ cấp xã hội, bảo hiểm y tế; 50% các công trình công cộng, cơ sở trợ giúp xã hội, trường học và cơ sở y tế hiện hữu được cải tạo, nâng cấp các hạng mục thiết yếu bảo đảm điều kiện tiếp cận cho trẻ em khuyết tật.

Hỗ trợ bảo đảm quyền tham gia, hòa nhập cộng đồng đối với trẻ em khuyết tật

Bên cạnh đó, Đề án cũng đặt mục tiêu truyền thông, nâng cao nhận thức xã hội, giảm kỳ thị đối với trẻ em khuyết tật và hỗ trợ bảo đảm quyền tham gia, hòa nhập cộng đồng.

Cụ thể, đến 2030, trên 90% cha mẹ, người chăm sóc trẻ em khuyết tật, cán bộ chính quyền các cấp, các tổ chức xã hội, tổ chức của người khuyết tật được cung cấp các kiến thức, kỹ năng nhằm hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng và giảm kỳ thị, phân biệt đối xử đối với trẻ em khuyết tật; 100% tỉnh, thành phố thực hiện tham vấn ý kiến trẻ em khuyết tật đối với các chính sách, chương trình liên quan đến trẻ em khuyết tật.

Trên 90% cán bộ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở giáo dục, các tổ chức xã hội cung cấp dịch vụ liên quan đến trẻ em khuyết tật, cộng tác viên làm công tác trợ giúp trẻ em khuyết tật được tập huấn nâng cao năng lực về hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; 90% các tỉnh, thành phố thiết lập và triển khai quản lý trường hợp, thiết lập mạng lưới dịch vụ và điều phối dịch vụ liên ngành hỗ trợ trẻ em khuyết tật, thí điểm các mô hình chăm sóc trẻ em khuyết tật; 100% các tỉnh, thành phố đưa vào vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em có phân hệ về trẻ em khuyết tật.

5 nhiệm vụ, giải pháp

Để đạt được các mục tiêu trên, Đề án đặt ra 5 nhiệm vụ, giải pháp bao gồm:

1- Hoàn thiện quy định pháp luật và các cơ chế, chính sách, hướng dẫn về hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục.

2- Hỗ trợ trẻ em khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục phù hợp theo nhu cầu.

3- Truyền thông, nâng cao nhận thức xã hội về hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và giảm kỳ thị, phân biệt đối xử.

4- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các giải pháp đổi mới sáng tạo trong quản lý, cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật.

5- Củng cố, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác hỗ trợ trẻ em khuyết tật.

Nguồn: baochinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

*** Quyết định của Ban Bí thư**

Điều động, chỉ định ông Trần Quốc Bình, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIV, nhiệm kỳ 2026 – 2031, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên nhiệm kỳ 2025 - 2030.

*** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

- Quyết định số 2158/QĐ-TTg, bổ nhiệm lại ông Phạm Tiến Dũng, giữ chức Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Quyết định số 2171/QĐ-TTg, bổ nhiệm lại ông Phạm Thanh Hà, giữ chức Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

*** Bộ Dân tộc và Tôn giáo**

Bổ nhiệm ông Bùi Quốc Thắng, Quyền Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số, giữ chức Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số.

*** Thành phố Hồ Chí Minh**

- Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với ông Nguyễn Văn Được, để nhận nhiệm vụ Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bầu ông Lê Quốc Phong, Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhiệm kỳ 2026 - 2031

*** Tỉnh Điện Biên**

Bổ nhiệm bà Phạm Thu Lan Hương, Trưởng phòng Kinh tế ngành thuộc Sở Tài chính, giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài chính.

*** Tỉnh Thái Nguyên**

- Ông Nguyễn Thành Minh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Chỉ định ông Trần Xuân Trường, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Vạn Xuân, tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Điều động ông Nguyễn Minh Quang, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đến công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy, làm thành viên Bộ phận nghiên cứu chuyên đề trực thuộc Tỉnh ủy.

- Ông Nguyễn Đức Lực, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Gia Sàng thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy và thôi giữ chức Bí thư Đảng ủy phường Gia Sàng nhiệm kỳ 2025 - 2030; được điều động, bổ nhiệm, giữ chức Phó Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy.

- Ông Triệu Đức Văn, Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Bí thư Đảng ủy phường Gia Sàng nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Đặng Anh Tuấn, Phó Trưởng Ban Nội chính Tỉnh ủy, được luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy, giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy phường Trung Thành nhiệm kỳ 2025 - 2030, đồng thời được phân công làm Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường.

- Ông Ngô Mạnh Cường, Phó Giám đốc Sở Xây dựng, được điều động đến công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy, làm thành viên Bộ phận nghiên cứu chuyên đề trực thuộc Tỉnh ủy.

- Bà Vũ Thị Anh Dung, Phó Giám đốc Sở Tài chính, được điều động, bổ nhiệm giữ chức Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

- Tiếp nhận, bổ nhiệm bà Phạm Thị Hương Sen, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, giữ chức Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Điều động, bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hà, Phó Giám đốc Sở Xây dựng, giữ chức Phó Giám đốc Sở Tài chính.

- Bà Ngô Thủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Gia Sàng, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy và thôi giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy phường Gia Sàng nhiệm kỳ 2025 - 2030; được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy, giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Đại Phúc nhiệm kỳ 2025 - 2030, đồng thời làm Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã.

- Ông Đồng Huy Ngọc, thôi giữ chức Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã Thành Công, được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy phường Gia Sàng nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Tạ Hồng Sơn, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường Trung Thành, được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy, giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Thành Công nhiệm kỳ 2025 - 2030 và phân công làm Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã.

- Ông Phạm Mạnh Hùng, Phó Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, được luân chuyển, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Võ Nhai nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Hoàng Văn Tiền, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bằng Thành, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy xã Bằng Thành nhiệm kỳ 2025 - 2030; được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Chợ Rã nhiệm kỳ 2025 - 2030.

*** Thành phố Đồng Nai**

- Ông Nguyễn Anh Tuấn, Thành ủy viên, Giám đốc Sở Xây dựng, giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố Đồng Nai, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Bà Trương Thị Hương Bình, Giám đốc Sở Tài chính Đồng Nai, được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố Đồng Nai, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

*** Tỉnh Vĩnh Long**

- Ông Đặng Văn Chính, thôi giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo nguyện vọng cá nhân.

- Bầu bổ sung 03 ông/bà: Trương Đặng Vĩnh Phúc, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Tài chính; Dương Văn Phúc, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Xây dựng; Nguyễn Thị Ngọc Giàu, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nội vụ, giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Nguồn: Tổng hợp từ baochinhphu.vn và vov.vn